

TRITÂN

TOA BA0 95-97 CHANCEAULME HANOI

MỤC LỤC

- * Cự Đãng Bùi-Kỷ với tinh thần hán học Phạm-mạnh-Phan
- * Đại nam dật sự (XLII) Nguyễn-văn-Tổ
- * Quang cảnh « Thọ-xương tiên hiền từ »
hay là phản-ảnh của hán học suy tàn Tiền-Đàm
- * Những ông ngi ở trên Lô (XCVI) Ứng-Hoè
- * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ (LXVII) Nguyễn-văn-Tổ
- * « Thu dạ lữ hoài ngâm » của Đình-nhật-Thận Nhật-Nham
- * Hai mươi bài tập Kiều tương truyền là của
Hà Tổn phủ (I) Song-Cối
- * Người dưới mã hay khách làng chơi ? Nguyễn-hữu-Trí

0 \$ 50



Cuộc phỏng vấn của Tri Tân

Cụ Bổng Bùi Kỳ

với tinh thần hán học

PHẠM-MẠNH-PHAN

NHÂN buổi tựu trường vừa tới, thấy đường phố lại tấp nập, các thanh niên hăm hở nô nức cắp sách tới trường, tôi liền tưởng tới cái học mới của người mình.

Thấy cái học mới phần đông anh em thiếu niên, hi vọng của quốc gia phần nhiều chỉ là cái học y văn bằng và cái học vụ lợi, nên tôi nhớ lại cái tinh hoa của nền học cũ.

Vì vậy, tôi đã gõ cửa tới thăm một bậc nho họ gia đình thân : cụ phó bảng Bùi Kỳ, nguyên giáo sư về hán học của trường Đại học Đông dương và là một nhà viên trọng yếu của ban văn học hội Khai Trí.

Tôi đã được cụ tiếp trên một căn gác rộng ở phố Mirbel.

Nhìn tờ báo pháp L'Action, cụ đang xem dở và tú sách đầy các sách nho để sau lưng cụ, tôi như cảm thấy ở cụ, một bậc tiêu biểu cho sự dung hòa của hai nền học cũ và mới.

Tôi bày tỏ mục đích cuộc

tới thăm cụ như đã báo trước :

— Bẩm cụ, chúng tôi thay phần đông người m nh cái học mới thời là cái học văn bằng và vụ lợi, chúng tôi mong cụ cho nghe cái tinh thần của nền học cũ, để huýt lại cùng các bạn đời Tri Tân.

Cụ nhếch miệng cười một cách thân ái và thư thả đáp tôi bằng một giọng ôn rành và sang sảng như đồ thân quen cho cái học mới :

— « Ta không lên trạch học mới là lợi chỉ cốt lấy văn bằng, hơn hai ba trăm năm về trước đây phần nhiều phải học cũng như thế cả.

Vậy cái suy là suy từ cũ rồi đến bây giờ mới suy. Lẽ là lẽ cái cũ nó truyền nối đến sang, chứ không phải cái mới có tới.

Tinh thần hán học của ta mất đã lâu. Mất từ cuối Lê sang Nguyễn. Cái tập quán ấy truyền từ đời nọ sang đời kia cho đến ngày nay, vì như trong một gia đình cũ đã ăn chơi thì các con cháu bây giờ cũng ăn chơi. Họ lần theo cái gương của người trước. Họ làm sao tìm được điều hay vì có ai bảo cho họ biết.

Chưa có phong trào học chân sang đây, mình đã dở rồi còn nói gì ngày nay.

Cái học thừa xưa thoát kỷ thủy không vụ hư danh nhưng về sau cái ý nghĩa của sự học đã sai lạc đi dần dần. Như trong một bài văn của cụ Lê quý Đôn đã có câu : « Lêu chiếu là thang xông long » thì ta đã rõ ngay từ đời đó cái học đã chuồng hư danh rồi. Đa số đã chuồng hư danh thì lẽ nào ngày ngày phần đông các thanh niên không lần theo vết cũ ấy ! Vì trong một gia đình cũ ở quê là một bậc khoa cử thì ngày nay người con cũng theo rồi nếp xưa mà đi vào Lon đường khoa cử. Không phải theo đường khoa cử là dở, song chỉ mong theo khoa cử, đề cầu tiến thân mưu cầu lấy phú-quý là dở. Lỗi không phải ở người con mà lỗi từ người cha không biết treo gương sáng cho con.

Bây giờ dở hơn trước thì có lẽ tôi xem đa số chuồng hư danh nhiều lắm ! nhưng cái gốc chính là dở từ đời trước chứ không phải từ bây giờ.

Nhân cụ hạ giọng để đợi tôi tiếp, tôi liền hỏi ngay vào câu hỏi chính của cuộc hội đàm.

— Bẩm cụ, chúng tôi tưởng cái học nho là một hình thức rất xưa quý mà học mới không có.

Xin cụ cho biết cái tinh thần ấy của nho học.

Nghe xong câu hỏi cụ liền lấy bút chỉ đề trên bàn và sau khi viết chữ «nho» bằng hán tự, cụ liền chỉ chỗ tôi xem và thủng thủng nói:

— Trước khi nói đến tinh thần nho học, ta hãy cái nghĩa chữ «nho» theo tự nguyên (etymologie) của nó.

Chữ «nho» có chữ nhân và chữ như hợp lại; nhân là người, như là những lễ cần thiết của đời người. Vậy cái học «nho» là cái học để hiểu biết và thực hành hết thảy những sự cần thiết của về vật chất, xã hội, tinh thần cho đời người ta. Biết cho đầy đủ tức gọi là chữ «nho» đó.

Nghĩa chữ «nho» là ưu, ưu là hơn, Thế nào là hơn? «*An nhân phục nhân*» gọi là ưu, nghĩa là làm được cho người ta yên ổn, cho người ta quý phục mình.

Vậy thì ai là nho?

Đặt câu hỏi đó rồi nhìn tôi với một nụ cười, cụ lại cao giọng đáp:

— Hết thảy những ông vua hay, biết đem tài học mà trị dân nước được thái bình là nho. Hết thảy những ông tướng giỏi đem tài học giữ gìn đất nước được trọn vẹn làm cho nhân dân được sung sướng là nho. Hết thảy những ông quan giỏi biết đem tài lực mà giáo hóa dân chúng đều gọi là nho. Hết thảy những ông thầy giỏi những nhà triết học lập ngôn đều gọi là nho.

Nho không phải là một sang-hộ để gọi riêng các bậc sĩ tử, nói rộng ra nho là các bậc quân tử: quân là có thể làm chủ một dân tộc, một cơ quan, tiếng pháp gọi là *chef*; tử là ông thầy dạy, là *maître* theo như nghĩa đời cổ.

Vậy làm thế nào là một bậc quân tử?

Cụ ngừng và giây, rồi sau khi ngẫm nghĩ một chút suy nghĩ, cụ liền nói tiếp:

— Làm quân tử phải có một cái học. Nhưng học gì? Lúc bé còn ít tuổi, cái học đầu tiên là học nghệ: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.

Cụ viết 6 chữ ấy bằng hán tự lên mảnh giấy rồi chỉ từng chữ mà cái nghĩa. Nghe cụ nói tôi như có cảm ứng một người đang ngồi trong một giờ học, về chữ hán.

Sau khi cụ giảng cho tôi nghe thế nào là lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, cụ nói tiếp:

— Cái học lục nghệ là một cái gốc để sau nâng cao lên mãi mãi. Đó là cái học hình chất rồi lớn lên đi vào tinh thần.

Nếu chỉ học được một vài phần thô thiển về lục nghệ cổ thì đời xưa gọi là tiểu nhân, tiểu nhân nghĩa là bình dân, chứ không có nghĩa xấu như ngày nay. Nhưng có thể giữ được tư cách làm người đạo lương thiện.

Người quân tử phải có một cái học cao hơn. Cái học ấy cốt là tìm cách rèn luyện đức tính mình trước đã. Cái học đó gọi là cách vật, xạ là trí-tri, gọi là thành ý, gọi là chính tâm, gọi là tu thân.

Cách vật là suy xét cho đến nơi, tìm cho đến chốn, học có tinh thì biết mới rõ; biết có rõ thì ý nghĩ mới thành thực không giả trá; ý nghĩ có thành thực thì lòng mới ngay thẳng; lòng ngay thẳng thì thân mới xử được.

Đó năm bậc ấy quan hệ mật thiết với nhau vì một người mà không phân biệt rõ cái phải cái

trái của mọi sự vật, thì còn ý nghĩ làm thế nào được chính đáng, ý nghĩ không chính đáng thì lòng làm thế nào được ngay thẳng, ý với tâm đi liền với nhau vì ý không thành thực thì sự suy xét có thể sai lệch ngay.

Cái học của người quân tử chỉ trong nhất đời thôi. Đây tâm là gì? Phần nhiều là không nhận rõ cái quan hệ của nó. Các bậc trung thần chỉ ở trong lịch sử đều là những bậc chính tâm và đức. Đức Trần Hưng Đạo bỏ được thù nhà, chủ rộng lòng nghĩ đến nước tức là giữ nổi cái tâm đó. Người thường hay bị lợi danh làm mờ hoặc mất cái tâm của mình. Đó đó ta có thể tìm cái đức hạnh của nho học.

Vậy đức tính của nho học là gì?

Nói đoạn, cụ lại viết luôn tám chữ hán như trước rồi giảng rõ:

— Cái đức tính ấy là: lễ, nghĩa, lễ, lễ, và trung, tín, hiếu, tiết.

Lễ là lý, là cho có thứ tự, cho có mạch lạc, không cầu thả, không hồ đồ, và rất lễ chính rất minh bạch.

Nghĩa là đúng, là thích hợp như đạo cha con phải thế nào, nghĩa vợ chồng phải thế nào là đúng.

Liêm là không tham không những tiền bạc, danh lợi, mà cũng đừng nhận cái gì mà mình không đáng hưởng, cũng đừng cầu cái gì không xứng với mình. Đó là bài thuốc của chính tâm đó.

Sĩ là biết xấu hổ, biết tự xét mình và không dối người, dối mình vì dối người tức là dối mình đó. Thua kém người là sĩ. Để người ta hành hạ mình là sĩ, làm cho phẩm cách đó bện đi là sĩ. Không biết thua là vô sĩ. Những người

(Xem tiếp trang 22)

ĐẠI NAM DẬT SỰ

Số 44

Ứng-học NGUYỄN-VAN-TO

XXXIII Đinh Tiên hoàng
Vào giữa thế kỷ thứ mười
(từ năm 951 đến năm 968) có
đất nước tá chia năm xẻ bảy,
mỗi người chiếm cứ một nơi,
người xưng vương, kẻ xưng
quân, người xưng minh công,
kẻ xưng lệnh công; giang-sơn
nào ánh búng ấy, làm cho dân
phải khổ-sở lầm-tham. Lúc ấy
có người con nuôi một sứ-
quân đứng lên dẹp loạn yên
dân, mở nền chính-thống cho
Lê, Lý, Trần, Lê, sau này.
Người ấy là ai? Là Đinh Bộ-
Lĩnh, tức Đinh Tiên-hoàng.

Truyện Đinh-Tiên-hoàng xưa
nay đã nhiều người viết, nhưng
xem ra cũng chưa đủ. Nay
theo sử chữ nho dịch cả ra
dây. Còn những truyện trong
truyền ở Dật-sử là truyện
hoang đường, đáng lẽ không
chép đến, nhưng mục này là
« Dật-sự » nên dịch cả dưới
này để đọc giả mua vui trong
lúc đọc truyện khô khan.

Trên đã nói Đinh Tiên-hoàng
tên là Bộ-Lĩnh. Ngự chế Việt-
sử tổng vịnh (q. 9, tờ 10a) lại
chép tên là Hoàn (nghĩa là vòng
ngọc, chữ không phải chữ hoán
của Lê-Hoàn). Người động
Hoá-hư (nay ở sơn-phần hai
xã Uy-viên và Uy-tế, tỉnh Ninh-
bình) cháu Đại hoàng (hay là
huyện Gia-viên, tỉnh Ninh-bình).
Chưa là Đinh-công-Trứ, mẹ họ
Đàm. Công-Trứ nguyên làm
nhà-trưởng cho Dương-dinh-

Nghệ (923-936) được quyền thứ-
sử châu Hoan. Đến đời nhà
Ngô (939-965) được thực-thụ
chức thứ-sử châu ấy.

Khi Công-Trứ mất, Bộ-Lĩnh
hãy còn nhỏ, bà họ Đàm đem
về ở Sơn-dộng. Ngự-chế Việt-
sử tổng vịnh (q. 9, tờ 10a)
chép « Bộ-Lĩnh lúc nhỏ mồ côi
cha, cũng mẹ là họ Đàm vào ở
cạnh đền Sơn-thần trong động ». Việt-
sử lược từ tự kinh của
Trần Kỳ, đốc học Vĩnh-yên,
(sách viết Trường Bắc-cổ, số A
1521, q. 1, tờ 35 a-b) chép khác
hắn: « Thứ-sử châu Hoan là
Đinh-công-Trứ mất sớm, người
nàng hầu là họ Đàm, đi vào
rừng kiếm củi, bị bạc-hầu
(con khỉ trắng) hiếp. Bà về nói
chuyện lại với em chồng là
Đinh-Dự, Dự tức giận chém
chết bạc hầu, con hầu chết
hóa làm cây gỗ (!). Đinh-Dự
kéo vào trong rừng, lấy đất
đắp lên, thành ra một kiêu đất
tốt. Bà họ Đàm có mang, đủ
tháng sinh ra Bộ-Lĩnh, trạng-
mạo khôi-ngô ».

Nhưng trên đã nói chính-sử
chép « Đinh-công-Trứ mất thì
Bộ-Lĩnh hãy còn bé ». Mẹ con
ở trong động, thường trẩy
trâu ngoài đồng, cùng các trẻ
con chơi đùa. Các trẻ đều biết
mình, kiêu-hào và độ-lượng
không bằng, cùng nhau tôn Bộ-
Lĩnh làm trưởng. Lúc đó Bộ-
Lĩnh trưởng, bắt các trẻ con

khoanh cánh tay làm kiêu để
rước. Lại lấy hoa lau làm cờ
riều đi trước và hai bên tả hữu
bắt-chuồng nghi-vệ. Thiện-tử.
Những ngày tháng thả thừng
đem nhau đến đánh các trẻ con
làng khác, đi đến đâu chúng
đều sợ phục đến đấy, hàng
ngày đem nộp củi đan và làm
xấu. Bà mẹ có ý mừng, mở
lợn nhà nuôi để khao thưởng.
Khi gần lớn Bộ-Lĩnh thường
bắt các ấp các sách làng giềng
tùng phục. Những bậc phụ lão
nói chuyện với nhau rằng
« Thằng bé này khi-vũ độ-
lượng không phải tầm thường,
chắc là làm nổi việc ». Rồi
giống-giả cho con cháu đi theo,
và tôn Bộ-Lĩnh làm trưởng ở
sách Đào-đục.

Lúc ấy chú Bộ-Lĩnh là Đinh-
Dự giữ Bồng-sách, cùng chống
nhau với Bộ-Lĩnh. Bộ-Lĩnh tự
biết quân ít không thể địch nổi,
chạy đến cầu Đàm-gia (nay xã
Đầm xá, huyện Gia-viên) thì cầu
gãy. Bộ-Lĩnh bị xô xuống bùn-
lầy. Đinh-Dự toan đâm thì thấy hai
con rồng vàng (?) đỡ Bộ-Lĩnh
khởi chỗ lầy, chú thấy thế, sợ rồi
lui về. Bộ-Lĩnh thu nhặt dư-chúng,
để đánh, Đinh-Dự xin hàng.

Bấy giờ (từ năm 964) Nhà
Bắc rối loạn: sứ-quân các bộ dần
dần khởi lên, thay đổi làm hùng
trưởng, cắt giữ cố đất. Bộ-Lĩnh
nghe Trần Minh-công có đức, lại
là bạn với cha, nên đến đề nghị
nhờ. Minh-công cạo càm bnh
quyền. Khi Minh-công mất, Bộ-
Lĩnh nhập quân cùng giữ động.
Hoa-lư thu dùng báo-kiệt. Trong
đời Ngô Nam-Tấn và Ngô Thuận-
Sách (951-965), Bộ-Lĩnh tự giữ

đất liền, hai vua Ngô đến đánh không được.

Khí Ngô mất (năm 965), Bộ-Lĩnh đi đánh Đàng-quang, Phạm Phông-Ái xin hàng. Bộ-Lĩnh lại phá được Đỗ-dội-g, Đỗ-rảnh-Thạc bị thua. Dẫn dắt Bộ-Lĩnh hạ được hết thành trì của mười hai sứ-quân, đánh đâu được đấy, gọi là «van-thắng-vương», sau tự lập làm vua (Khâm-định Việt-sử chính biên, q 1, tờ 1 a đến 2 b).

Việt-sử lược của Trần-kỷ (q. 1, tờ 35 b) chép có chỗ hơi khác như sau đây: «Lúc đó cũng là mục-dồng chơi, chúng lớn Bộ-Lĩnh làm trưởng, giao tại cánh tay làm kiện cò rước, lấy lau làm cò, cuối trâu làm ngựa, những trẻ ở thôn khác chưa phục, đi đem gươm gỗ đến đánh, không đâu là không sợ phục, lấy ngay đem nộp cũi-đề đun nấu. Bộ-Lĩnh thường bắt lợn nhà, mổ thịt để khao thưởng các trẻ khác, mẹ là họ Đàm mách với chị là Đinh-Dự, Đinh-Dự giận đuổi theo đánh, Bộ-Lĩnh chạy qua cầu, cầu gãy, Bộ-Lĩnh mắc ở dưới bùn lầy. Đinh-Dự muốn đâm theo, tự nhiên có hai rồng văng (?) đến chỗ, Đinh-Dự sợ, lui về. Đến khi lớn, nghe Trãi-Lãm ở nhà bề Bộ-chiến (tức cháu Kiến-xương) có đức mà không con, đến nương nhờ, Minh-công cho cầm quân, Sau Minh-công mất, Bộ-Lĩnh nhận quân ấy, giữ nhà sư, tự xưng bá kiệ, gọi là Vạn-thắng-vương».

Sau khi Vạn-thắng-vương đã lên ngôi ở Đàng-quang ở Đàng-quang, đưa lập khu đô ở đây, những vị đất tiếp mà không có hình thế hiểm-trở, mới lập kinh đô ở động Hoa-lư.

Sách chép chỗ đất ấy bốn mặt đều là núi đá, sườn núi thẳng như vách dựng, giữa có một chỗ hơi bằng phẳng, thôn-vân gọi là Hoa-lư động. An-kom kỹ-giêu chùa «Động Hoa-lư ở huyện Lê-bình, Lê-bình nay là Gia-riến, giữa động rộng độ hai trượng (8 thước tây) có một cái ngôi, nước chảy khúc-khuếch quanh eo đến phía nam thành Hoa-lư. Thành Hoa-lư cũng ở về huyện Lê-bình. Họ Đinh từ khi xây thành, sống quanh năm trăm trượng (hai nghìn thước tây) nên cũ hãy còn.» «Vay hi động Hoa-lư là chỗ ở của Tiên-hoàng khởi binh. Thành Hoa-lư là kinh đô ở Trảng-an. Có người nói phủ Yên-khánh và phủ Thiệu-quan đời xưa đều gọi là Hoa-lư. Nếu cho «động Hoa-lư ở trong núi Trảng-an thì nhầm» (Khâm-định Việt-sử, tiền biên q. 5, tờ 24 b).

Vạn-thắng-vương nhân thế núi liền trở, đắp thành đào hào, xây dựng cung điện, đặt ra triều nghi, gọi tên nước là Đại-cổ-việt (nước Việt to lớn). Bấy giờ dùng tôn hiệu là «Đại-thắng-minh hoàng đế».

Tiên-hoàng ngự tại vua Ngô là người có đức (làm không đến nơi đến chốn), cho nên trong nước sinh loạn, mới ra cai cho Đinh-hạ-sơ, bên đặt một cái vạc lớn ở sân triều, nước cạn bỏ dử ở trong cũ, hạ lệnh rằng: «Người nào có ọi thì mổ thịt bỏ vạc đun, hoặc cho ăn thịt», người ta đều sợ hãi, không dám làm điều gì phạm tội. Những việc ấy đều về năm 968, tức là năm thứ nhất của Đinh-tiên-hoàng xưng hoàng-đế. Đến tháng năm năm kỷ-ý là năm thứ hai, (969), Đinh

Tiên-hoàng lập Đinh-Liên làm Nam-việt-vương. Đinh-Liên đi theo Tiên-hoàng trong lúc gian-nan, đã khổ nhọc lại công cao, nên phong làm «Nam-việt-vương».

Tháng giêng năm canh-ngọ (970) đặt niên hiệu là Thái-bình. Lúc bấy giờ bên Tàu là nhà Tống. Triệu-Khuông-Dạng (Tống Thái-tổ) lấy chúa Nam-Pán là Lưu-Trần chống cự mệnh-lệnh, bên sai đại tướng là Phan-Hỷ sang đánh Nam-Pán, Tiên-hoàng nghe tiếng sai sứ sang thông-biểu với vua-Tàu. Lần thứ nhất vào tháng giêng là năm 970, Lần thứ hai, Tiên-hoàng sai Nam-việt-vương Liên sang biểu đồ phương vật, vào năm thứ ba hiệu Thái-bình (972). Đến năm 973 Nam-việt-vương đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang (Xem tiếp trang 17)

Nhiều người thích tìm mua không còn nữa!

Từ sách quý của bạn, vì cho mượn hay vì mất cắp mà thiếu nhiều quyển nay tìm mua khắp nơi không có, bạn hãy viết ngay thư kèm tiền 0 \$ 16 cho:

Kiosque Thanh Tao
Vinh

Vào ngày sau, bạn sẽ nhận được sắp giấy đánh máy kê lên trên 200 quyển, đã các loại (khảo-hoàn, phật-bình, phóng-sự, kịch, thơ, văn-thuyết) xuất bản từ 1940 đến nay.

Mua 1 là 30 \$ 00 bạn sẽ không phải chờ lâu nữa. Thư nào chúng tôi không có, sẽ cố tìm mua giúp bạn.

QUANG CẢNH « THỌ XƯƠNG TIÊN HIỀN TỬ »

hay là phản - ảnh của Hán học suy tàn

HIỀN-ĐÀM

At đi qua giữa phố Bạch-mai, bên tay phải, gần đình Đại-công thấy trước cái ao son, giáp đường xe điện, một cái cổng đá cổ, tường lỗ, rêu phong, sau cổng một lớp nhà; trước bãi đường, sau hậu cung, cũng đều tiền tụy. Thêm vào đấy những cái phen cho bãi đường làm nhà ở và trước sân — nơi là đất bỏ hoang thì đúng hơn — một vài cây cảnh cổ, những khi trời nắng mấy cái quả táo rạch phơi rủ rộ. Quan sát đấy, mấy lớp nhà tranh siêu vẹo, làm cho cảnh vật đã tiêu điều lại càng tiêu điều thêm.

Miền ấy là miếu gì? thờ ai? Thưa rằng đây là « Thọ xương tiên hiền tử » thờ các vị khoa bảng của huyện Thọ Xương (thuộc tỉnh Hà nội khi xưa).

Tại sao lại có miếu thờ các bậc tiên hiền? Để đáp câu hỏi ấy, xin mời đi gần cùng tôi vào trong đền miếu hoang, đến bên nhà mà đọc tấm bia dựng vào niên hiệu Minh-mệnh mậu tuất (1838) của hai ông nghệ Nguyễn Văn Lý và Hà-quyển (1).

Xin trích dịch mấy đoạn trong văn bia như sau:

« Mong theo bậc hiền triết là cái chuẩn-đích của kẻ học-giả; thờ phụng các đấng tiên hiền là quy tắc của điều-lễ vậy. Huyện ta từ xưa vẫn gọi là Vĩnh-xương trái nhà Lý đến nhà Lê, vẫn là một nơi thanh-đĩnh văn vật nghìn năm ở

chốn đó thành (2)

Cầu mào ba đề sườn lên cái nghĩa « thờ phụng các đấng Tiên Hiền », đoạn giữa nơi đền miếu cũ bị phá-hủy, biến thiên hồ Tây-sơn (1788-1801), đến đoạn sau đoạn này mới đáng chú ý:

« Năm Bình Thán, các thân-sĩ đem việc ấy (việc dựng lại miếu) bàn với ông Vũ Hoán Phê (Vũ như Phan) là Tiến-sĩ khoa Bình Tuất (1829) người thôn Tự-tháp, rồi cùng dựng một ngôi đền ở phía nam huyện thuộc phường Hồng-mai (vì kiêng húy, sau đổi gọi Bạch-mai). Ngôi đền chính xây toàn bằng gạch. Trước cửa là phía đông, dựng nhà bãi đường năm gian. Cả giải vũ hai bên tả hữu cũng xây bằng gạch, cột trụ và tường bao bọc chung quanh đều xây gạch đắp vẽ hoa lá. Rồi đặt tất cả ruộng ao được tám mẫu, bảy sào, mười thước, rộng hơn một mẫu làm nơi tự sở; ao ruộng ấy giao cho người trong phường này (Hồng-mai) cấy cấy lấy hoa lợi để cung việc xuân thu tế tự muôn năm (2)

Đọc đến đoạn này, tôi không khỏi không buồn vì câu « xuân thu tế tự muôn năm » các cụ thân sĩ huyện Thọ Xương thật đã tỉnh lắm. Vì sao?

Kể từ khi các cụ dựng giải vũ trên (năm Minh-mệnh thứ 9, (1838) đến nay mới được hơn một trăm năm mà miếu vũ đã hoang vu, không biết việc tế tự có ai nghĩ đến.

Tôi đã tò-mò lần hỏi những người ở quanh miếu thì có một vài ông già già phờ phạc: Hồi trước còn theo lệ xuân-thu, các văn thân có tế, nhưng đã lâu từ ngày lập Hà-nội thành thành phố thì sai lẽ, có năm có, có năm không.

Hỏi đến ruộng như trong bia có còn không thì ông già ấy giả nhời còn, nhưng vừa rồi làm Đông dương học xa lấy đất, nhà nước có bồi-thường lại tiền.

Lại hỏi đến một ông người làng ngoài phố thì thấy nói số tiền nhà nước bồi thường cho có đến hơn một vạn bạc.

Vậy tiền ấy đã làm gì, lại xin hỏi các ông còn sót lại trong hội Văn-thân — và xin chờ giả nhời —

Có một đền đáng buồn nhất là Huyện Thọ Xương tỉnh Hà-nội khi xưa là một huyện văn học, xứng đáng với đất Thăng Long « ngôi nãi văn vật », theo bằng các ông đáng khoa Tiến sĩ từ niên hiệu Quang Thuận thứ bảy (1466) nhà Hậu Lê đến năm Minh-mệnh thứ 13 (1832) nhà Nguyễn, có đến ngót 50 ông nghệ, mà nơi thờ Tiên-Hiền nay đã bỏ hoang, nhà bãi đường đã bị làm nhà ở ruộng.

thợ, như vậy rồi, rằng đất Thăng Long vẫn vật ở chỗ nào?

Pharong chỉ, ruộng có, ao có, mà gần đây tiền có sao, các ông văn-thân còn sót lại không nghĩ đến Tiên Điền?

Hay là các ông cho rằng Hán học đã suy tàn, phong hội đã mới mẻ, thì cần gì phải thờ cúng Tiên Điền! Một điều chắc chắn là Tiên Điền đã khuất cả đã hóa ra tro bụi cả.

Nhưng nếu các ông còn có chút ít lòng tâm của con cháu các bậc Tiên Điền thì nên nghĩ lại.

Kia không xem trên mặt báo, ở Nam kỳ nào sửa sang. Không thấy miêu tả nào kỷ-niệm, danh nhân xây mộ danh nhân thế mà ở ngoài Bắc ta, miêu, có, ruộng có, văn thân còn sống, sao lại bỏ cả không sửa sang gì nữa và Tiên Điền?

Các ngài không tin, xin mời xuống tận nơi mà ngài, còn gì nghịch mắt bằng bên cạnh những tòa nhà san-sát, bên cạnh một con đường mới mở vào Đông-dương học xá đồ sộ nguy-nghĩa mà có một cái cổ mộ xưa kia, bên cạnh nhà mồ, có mộ, cây thối nếu

có người ngoại-quốc, qua thăm thành-phố, ở ý là mộ Lỗ kỹ, biết ra thì người a rồi cho biết những nhà!

Trên bài « Dina ngô đại-rao » của cụ Từ-ra có câu « nước Đại Việt là nước văn-hiến ». Vậy sao ta không suy nghĩ mà đề nghị nơi di-tích của văn-học của cả một huyện Thọ Xương rồi hẳn như vậy?

Tôi là người cháu xa của một ông đã xây dựng mộ này, mỗi khi đi qua Bạch Mai, nhất là những ngày mưa phùn rắc bụi buổi đầu xuân — nhìn tòa cổ-mộ mà ngậm ngùi gọi các sĩ-phong của nước Việt.

Dành rằng: thiêu, suy, hĩ, thái, là cái luật chung của trời đất, đến, nhưng một việc là làm để nêu cao lại sự nghiệp văn-hương của một người đại là một việc của những người đã cầm quyền sạch đến nhà trường, tôi muốn nói sâu về hơn, của những người đã đến cửa học, sản trịnh, đã nhờ chữ của Thành-Hiến đã noi gương Tiên Điền trước chân và rạn lộ.

Có lẽ sẽ cho tôi là bủ vì giữa chỗ thành phố văn-minh này, còn có một ngôi thối (tổ bãi). Xin thưa thưa: tôi không có ý ấy, tôi muốn

bản với các ông văn-thân này đem cái môn tiền to nhà nước và sửa chữa, đó thì ra một ít sửa lại một chút sạch sẽ theo nguyên nếp cũ, giữ cả về cổ kính khi xưa, có nhà iều nên hoặc cấp bổng cho các trò nghèo, hoặc trao những giải thưởng văn-học, lấy tên các sĩ Tiên-sĩ trong hàng huyện đặt vào từng phần thưởng một có hơn là cứ để thờ cho đến mai-một, không còn ai biết gì đến câu truyện « Tiên-Hiến » huyện Thọ Xương nữa.

Dám mong mấy nhụy bậc bực này được các ngài còn lại « văn-bản » huyện Thọ Xương cất ý.

TIÊN-ĐAM

1) Nguyễn Văn Lý, người Đông tá, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa đời Minh Mệnh, làm quan đến án sát.

là quỳ đến hiệu Tả-pháp, đỗ tam giáp tiến sĩ khoa hội thi An khoa năm Nhâm ngo (1822) làm quỳ đến Thượng-thư.

2) Theo bản dịch của ông Hết-tam Trần khi bị ông Trống tập bài Tả-Tân số 115 (7-9 1943).

Ông Bết-Lam có hỏi về và khảo kỹ về nhiều Tiên Điền.

HAY ĐỌC

SỬ KÝ TỬ MÃ THIÊN

(Một trong sáu bộ 'lỗi' từ của Tàu)

Một bộ cổ sử giá trị từ phát trước đến nay.

Sách dày, trên 400 trang, khổ rộng in, toàn trên giấy quý (blanc art). Bìa tuyệt đẹp, — số in có hạn

Giá 16 \$ 00

Nhà xuất bản CĂN VIỆT — 20 Lamblot — Hanoi

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 97

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TO

19 — Nguyễn - thús - Canh, người xã Kạn-thổ, huyện Bình hà (tức Thanh - hà), phủ Nam - sách, trấn Hải-dương. Đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa Mậu thìn (1508) đời Lê Uy-mục. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 7 b).

20 — Hoàng - đoan - Vũ người xã Đại-bối, huyện Đông sơn, phủ Thiệu - hóa, trấn Thanh - hoa. Năm 34 tuổi, đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1508. (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 7 b).

21. — Nguyễn-Trường, người xã Trà-lâm, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh bắc (Bắc-ninh). Năm 32 tuổi, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tham-chính. Là anh ruột Nguyễn-Đương, đỗ tam giáp khoa 1529. Hai anh em cùng đỗ đại khoa (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 7 b).

22. — Đỗ - Oánh (Huỳnh), người làng Ngвай-lăng huyện Tư-tri, phủ Kiến-xương, trấn Sơn-nam. Đỗ hội-nguyên khoa 1508, đến khi đình-thí, đỗ tam-giáp đồng tiến-sĩ. Làm quan đến thượng-thư, Đánh giặc (?) bị hại, được phong phúc-thần. Là em ruột Đỗ-lý-Khiêm đỗ trạng-nguyên khoa 1499. Hai anh em cùng làm quan tại triều (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 8 a và Đặng-khoa-bị-khảo, q. Sơn-nam, tờ 108 b).

23. — Ngô-văn-Thông người xã Sơn-viên, huyện Đông-sơn, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh - hoa. Năm

34 tuổi đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến thượng-thư (Đặng-khoa-bị-khảo, q Thanh-hoa, tờ 13 a và b).

24. — Nguyễn-sùng-Hựu, người xã Phủ-ma, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-dái, trấn Sơn-tây. (Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 8 a) Đặng-khoa-bị-khảo (quyển Sơn-tây, tờ 62 a) chép là Nguyễn-tôn-Hựu, đỗ tam-giáp năm 33 tuổi, làm quan đến tham-chính.

25. — Lê trọng-Bích, người làng Lam sơn, huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hóa, trấn Thanh-hoa. Làm nhà ở làng Bồ-vệ huyện Đông-sơn, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến tả-thư-lang. Là em ruột Lê-bá-Giác đỗ nhị-giáp tiến-sĩ cùng khoa Hai anh em cùng làm quan một triều (Đặng-khoa-bị-khảo q. Thanh-hóa, tờ 3a).

26. — Nguyễn-đức-Phong, người xã Vĩnh-trung, huyện Thanh-dâm (Thanh-Tri) phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. (Đặng-khoa-lục, q. 2, tờ 8 a). Đặng-khoa-bị-khảo (q. Sơn-nam, tờ 6 a) chép « Nguyễn-đức-Phong người xã Quang-hệ, đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1508. Làm quan đến thừa-tuyên-sứ. Có chỗ chép là Nguyễn-đức-Tiểu hoặc Triệu. »

27. — Tô-kim-Bảng người xã Tả-lan, huyện Thủy-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến bản-lam-viện hiệu-thảo (Đặng-khoa-lục q 2, tờ 8 a).

Đặng-khoa-bị-khảo (q. Hải-dương, tờ 94 b) chép là kềm-thảo.

28 — Đinh-thao-Ngọc người xã Hải-lộ, huyện Tây-chân (Nam-chân, nay Nam-trực), phủ Thiệu-trường, trấn Sơn-nam. Đỗ tam giáp khoa 1508, làm quan đến giám-sát-ngự-sử (Đặng-khoa-lục, q 2, tờ 8a).

29 — Nguyễn-sư-Phó, người xã Lý-bãi, huyện Yên-lãng, phủ Tam-dái, trấn Sơn-tây. Năm 41 tuổi đỗ tam giáp tiến-sĩ khoa 1508. Nguyễn-tên như « sư » là « thầy » chữ « phó » là « giúp ». Sau đổi là Nguyễn-Sư (chữ ngọc bên chữ sư). năm quý-dậu (1513) đang làm quan đến kiểm-thảo, sung chức Phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phòng. Đến khi Mạc Đăng-Dung lộ quyền (khoảng năm 1518-1519), bắt hiếp vua Chiêu-tông ra Bảo-châu, Nguyễn-Sư không chịu theo Mạc, cùng Trịnh-Tay mưu lập Lê-Do, sau bị Đăng-Dung giết, được khen là tiết nghĩa (Đặng-khoa-bị-khảo (q. Sơn-tây, tờ 41b) Về việc Nguyễn-Sư đi sứ, Khâm-định-Việt-sử (q. 26, tờ 18 b và 19 a) chép như sau này: Vào khoảng tháng giêng năm thứ 5 hiệu Hồng-thuận (1513) đời Lê-Tương-đức sứ nhà Minh sang, « chánh-sứ bản-lam-viện hiệu-thảo Trầm-nhược-Thủy, Phó-sứ hình-hoa cấp-sự-trung Phan-hy-Tăng sang sách phòng vua Lê làm an-nam-quốc-vương, tặng một bộ mũ da lộc (bì biên) và một bộ thường-phục, Phan-hy-Tăng ra mặt vua Lê, khi dỡ ra bảo (Xem tiếp trang 21

Tài - liệu để đính - chính những bài văn cổ

Số 68

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TÔ

CXXXV. — Kim Vân Kiều (bài nói)

Kinh-bản (Đoạn trường tân thanh của cụ Kêu đánh-Mập, tờ 57a, và phường-bản của Quan-vân-d-đung, (tờ 71b) chép là « Cộn đang dưng-dưng-ngân-ngơ, Mát-người đã thấy bóng cù tiêng la ». Vương Kim diễn tự, sách viết của Trương Bắc-cổ, số AB 231, (tờ 61b) và Kim Vân Kiều chú (số AB 233, q. 3, tờ 2a) chép là « ngồn cò tiêng la ». Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vinh (in lại năm 1920, tr. 141, và bản Alexandre de Rhodes in năm 1913, tr. 551) là « bóng cò tiêng la ».

— Quốc-ngữ cũ (1920), phường-bản, Kim Vân Kiều chú và Vương Kim diễn tự đều chép « Giáp-dinh kéo đến quanh nhà, Đồng-thanh cùng hỏi tạo là phu-nhật ». Kinh-bản và quốc-ngữ mới (1943, tr. 552) chép là « cùng gửi », có lẽ phải hơn, vì tại nó tiếng « thừa gửi »; « gửi » nghĩa là thừa, tức lời người dưới hỏi người trên.

Câu « Rằng : Vâng lệnh chủ, rước châu ra qui », chữ « châu » là vợ một chữ quan đã được vua phong đó chữ cho là vợ chữ « triều (châu) liệt-dại-phu », Tự-ta thường gọi bà Liễu-Hạnh là « đức châu », « châu bà ». Bản quốc-ngữ mới (tr. 552) cắt nghĩa chữ « châu » là vợ vua thì nhảm.

— Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là « Dưng cò dưng trông lên dưng, Trước tờ dưng dưng kiêu vàng kéo sau ». Phường bản, Kim Vân Kiều chú và quốc-ngữ

mới chép là « Trước tờ dưng trông lên dưng kiêu vàng kéo sau ». Quốc-ngữ cũ (tr. 141) chép « Trước tờ dưng trông lên dưng kiêu vàng kéo sau ».

— Các bản đều viết « Rỡ mình là vẻ tôn đài, Hầy cò hầy éa mây ngái như xưa ». Chữ « rõ » nghĩa là rực-rỡ. Quốc-ngữ mới (tr. 554) viết là « lưa » và giảng nghĩa là « quon » thì nhảm.

— Phường-bản, Kim Vân Kiều chú và hai bản quốc-ngữ chép rằng: « Vinh-hoa hồ lưa phong-trần, Chữ dưng ngày lại thêm xuân một ngày ». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là « Chữ dưng ngày một thêm xuân một ngày », tuy ngữ-sắc giống nhau, nhưng chữ « ngày một » xuống đến chữ « một ngày », vận mới hay.

— Các bản đều viết « Trong quân có lúc vui-vầy, Thương-dong mới kể sự ngày huyên-vi ». Duy kinh-bản chép là « Trung-quân nhân lúc vui-vầy », Chữ « trung-quân » nghĩa là trong quân thì đọc đáng nào cũng phải. Duy chữ « cê » thì nhảm: chính là chữ « nhân ». Vì chữ « cê » hơi giống nhau, nên dễ lẫn.

— Các bản đều viết: « Ngặt-gi, quạ soạn lương sẵn-sàng, Dưới cờ một lệnh, vôi-vàng rước sao ». Bản quốc-ngữ cũ là « luyên, lương », có lẽ cho là chữ « soạn » viết nhảm, vì chữ « soạn », chữ « luyên » hơi giống nhau. Nếu tra đến Từ-nguyên, chữ « soạn » có nghĩa là lựa chọn: « dữ luyên đồng từ, giá », nghĩa là cùng nghĩa chữ luyên, tức là chọn. Vậy

câu này nên theo các bản nhảm với là « soạn lương ».

Ông Kêu-tử mới gửi câu báo Tri lư một câu hỏi Kiều như sau này:

Chút lòng trinh-bạch từ sau xin chưa!

Bản quốc-ngữ của hai ông Trần-trọng-Kim và Bùi Kỳ, chép là: « Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chưa! ». Bản quốc-ngữ mới của ông Nguyễn-văn-Vinh (1943), cũng chép như sách của hai ông Kim và Bùi Kỳ. Trong Việt-nam tự-diện, thì có chỗ chép là: « Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chưa! » (trang 602 — văn-liệu chữ Trinh); có chỗ chép là: « Chút lòng thanh-bạch từ nay xin chưa! » (K) (trang 140 — Văn-liệu chữ chữ).

« Đề chữ « xin chưa » thì mới tự-nhiên và hợp với giọng của Kiều nói với Tú Bà. Về lại, chính câu thơ đó đã có nghĩa « cũng » ở trong rồi. « Đó là theo thói-y của tôi. Còn ý-kiến của văn nhân học-giả? »

Trả lời

Hai chữ « xin chưa » không phải nghĩa, mà chữ « từ nay » lại mới văn. Câu trên « Thân lươn bao quản lấm đầu » thì câu dưới « Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chưa » mới đúng văn, mới phải ý. Nghĩa là làm thân con gái đàn bà, bất cứ lúc thường lúc biến, đều phải giữ lòng trinh bạch, này lấm thân đã bị rầy vò, còn « chút lòng trinh-bạch » cũng không được giữ, nên cụ Thân-dừa đặt chữ « cũng » có chữ « chút » và chữ « cũng » thì còn phẩm hạnh Thúy-Kiều lắm rất là dơ-dàng, mà khinh-một Tú-Bà đến cực-dềm.

(Xem tiếp trang 20)

« THU ĐẠ LỮ HOÀI NGÂM » của Đinh-Nhật-Thận

NHẬT-NHÂN

Như kỳ trước đã nói, chắc các bạn đều rõ thân-thể của Đinh-Nhật-Thận, tác-giả *Thu đạ lữ hoài ngâm*, rồi.

Nay vì thấy nguyên-tác của họ Đinh ít khi in lại, mà có nhiều bạn muốn đọc cả toàn văn, nên dưới đây tôi xin sao-lục nguyên-văn chữ Hán khúc *Thu đạ lữ hoài* của Đinh-Nhật-Thận và bản dịch quốc-âm của một môn đệ tác giả không biết phương-danh, để Đầu-Tiểu tôn-sùng khảo đính, để công đồng hiểu. Hồi xin phụ thêm đôi lời làm bình và chú giải ở cuối.

Diễn âm

Thụ đạ tĩnh, thiền quang ắt ước,
Cách sơ hêm đạm chước kim-lôi
Thiền-thời, nhân sự tưng tởi,
Phủ sinh ni ước mộng kỷ hồi vi loạn?
Nhấn đối cảnh, hoa gian nguyệt chuyển,
Cảnh liêu nhân, thụ diêu phong xuy,
Giá ban liệu thiền nhân tri,
Nhân lai phong nguyệt dữ tị vỹ thụ?
Thị tứ tuyệt di-du nhĩ ái,
Tửu tam hồi tiêu-sái li hoài,
Đang tiền độc đối thụ trai,
Thương tâm khách địa hữu ngoại cồ nhân,
Hương thủy ngoại, hốt vấn ngư vận,
Tùng hà lai, trạo tiến giang biên?
Bồ-hồi nguyệt dạ sương-thiền,
Hàn-sơn (1) âm-nhận khải-lu thuyền, cách phi
Khúc-giang thủy, hà thị Đại-Đỗ: (2)
Nhất cô châu hộ cổ-viên tâm?
Thời lưu bát thủ thi-ngâm,
Linh nhân lữ-tử chuyển hãm hương tình
Tích ngã vắng thanh-thanh liêu như
Lưỡng tam thanh sơ hựu thanh oanh,
Nhĩ Kim cùc d' ấm anh,
Liêu âm dinh ngoại hàn-thiền thụ thiền
Tỉ-nh ngã khứ phiên phiên đạo xiển
Lưỡng tam chi sơ chi m'ong phong
Nhĩ Kim lan dĩ lãn tưng,
Đáp yêu biên ngoại lạc lộ lãn sương
Hữ vi bồ-thế l'ong khách xá?
Nhật ưu dụ lý cá quán đông?
An nặng đạ-đạ thụ p'ong?

Diễn nghĩa

Đêm thu lặng, bóng trời ắt áp thoáng,
Cách rèm thưa chước chén gương ngời,
« Thiên-thời, nhân sự tưng tởi »
Kiếp chiêm-bao, dễ mấy hồi người ta?
Người đối cảnh, trước hoa trăng tỏ
Cảnh trên người, ngọn gió rung cây,
Nỗi niềm ai kể tỏ hay?
Cũng ai trăng gió đêm này với thu?
Thơ nĩ ái-ái bốn câu hương vận,
Rượu li-loài ba chén làm khuấy,
Trước đèn trông chón thụ-trai.
Tránh lòng đất khách, nhớ người đời xưa
Ngoài Hương-thủy, tiếng ngư vãng-vãng,
Thuyền từ đâu chèo thẳng bản giang?
Lỡ-mở đêm nguyệt, tời sương,
Tayền ai uống khách non Hàn (1) lại không
Khúc-giang thủy nhớ ong Đại-Đỗ (2) !
Buộc câu thuyền lòng cũ bờ vớ,
Hứng thơ đề tám bài thơ.
Núi người đất khách gần-góc tỉnh lặng,
Xưa ta đi liễu, đang thanh-ế;
Cầm hoán-gian mới kẻ ba-triều;
Bằng này cùc đã hoa thâu lộ;
Liêu âm nghĩ cũng sâu-sâu vi thế.
Xưa ta đi, đào khế liễu-khiên,
Giỏ dong-phong mới d'êm-thơ t'ang;
T'ang may lãn đã hựu-sương;
Đào hoa nghĩ cũng vô-vai g' vi thụ.
Làm chi 44 buồn rầu đạ-khách?
Ngày quán-dông, mộng thích lãn khuấy
Cổ đạ-mương, bóng hồi lữ.

Ta tiêu khắp lộ, còn tròng mặt-thu,
 Hồ vì bờ di-du lũ quán ?
 Tuê thao tuần dĩ ân sừng-yên !
 An giả g mộ mộ tây-hiền ?
 Phong dao di h trúc, nguyệt huyền ốc lương.
 Bất lị tố hà lang đầu bút, (3)
 Tương trung can vị quốc tông quán.
 Thục ân không ư phong trần,
 Toạ rung, hư tị, là thần đồ, vấn !
 Bất tị tố hà nị ân phượng hị th, (4)
 Tương hiếu tâm lý thí h tưng quán,
 Tha-hương kà sự bán-hoàn ?
 Dạ h-ván phi xữ, mẫu đơn khai thủa. (5)
 Kim nhật tự hải tần vãn cổ,
 Nhật khinh-phàm trực độ qui-lãng,
 Hương hồn phát-phát ư tư tăng,
 Trục phàm liệt dĩ quá tăng-tăng ba.
 Minh nhật tự sơn-gia vãn dều,
 Phấn cò vãn đài hiếu phú không.
 H-rong-tâm niêu-mieu như hồng,
 Tục vãn liệt dĩ quả trùng-trùng san.
 Hà xứ thị hương-quan nạn tị ?
 Dư tã nan-tã tận tâm tị !
 Dạ vãn Diêu-Đế chung thành,
 Hải-môn cò hương, ngư thành pháo thoi.
 Giang khúc-khúc, trường hồi khúc-khúc,
 Cảnh du-du, dạ phực du-du.
 Tiếu-diệu, quán lữ, dinh thu !
 Làn-gia thung, cữ, giang đầu trao thanh !
 Ta khách-dịa vu-quanh tâm sự,
 Tháp khuê nhàn nhàn tự khả liên.
 Canh thám đang duyệt án tiền,
 Hàm tị yếm phieu (6) không huyền nguyệt, minh.
 Cô chầu lý, tam cấp mộ-mi,
 Phấn ư hải thủy thị vĩ lân ?
 Tịnh giả i đa bán vô nhân,
 Thụy lai báo điệp (7), tình thần minh kô,
 Hựu thục, hoặc hương-khuê tịch chiếu,
 Hạ đương lai, dục thảo hoa lâu.
 Hốt kinh yên (8) tráp nê-sào,
 Loạn tu chiếu kính, phượng sập lại sơ. (9)
 Hựu thời hoặc chức-cơ dị tịnh, 人
 Hồ đồng lai, sơ chính đáng minh,
 Hốt vãn nhận độ giang thanh (10)
 Cơ dụng tức đáp, thao dinh thủ phao (11)

Tiếng sương khóc lã, hơi mây gọi tròng.
 Làm chi vậy, lạnh-lòng quán-lữ ?
 Năm sương-vén hốt nữa đi rồi !
 Có đêm ngồi nhàn thư-trại,
 Gió lay bên trũ, nguyệt cà trỗi lương.
 Và có phải như chàng xóm bút, (3)
 Vì vua mà đồng mặc ho can ?
 Luông đèn toán-thế cất lăm,
 T ấy, ngồi hồ mi nghe năm thẹn tại !
 Nào ó p ai như ai vắng hị h (4)
 Vì thần mà xa cá h cho xong ?
 Bỗng không kách-dịa bình-bồng.
 Trông mây lạ nhỏ, xem bóng (5) lại buồn.
 Ngày nay drag tròng miên hồ rộng
 Một lá buồm thẳng giống vè cò,
 Lòng quê đầu đã cuốn-cuốn,
 Phải theo buồm vượt mấy ngàn sông khơi !
 Ngày mai đứng trông nơi nổi thềm,
 Một làn mây sớm ngấm tròn không.
 Lòng quê đầu đã bông-bông.
 Phải theo mây kéo, mây trắng non xa !
 Trông tin nhận biết là đầu lạ ?
 Tâm-tình này ai tả cho nên ?
 Đêm thủa Diêu-Đế chuông-rền,
 Trống vang trũ hồ súng rợp thành vàng.
 Sông quân-quải, ruột cảng quân-quai,
 Cảnh dục-bi, dạ lại dục-bi !
 Lữ-dư ai chẳng tiêu-diệu !
 Tiếng chày trong xóm, tiếng chày ngoài sông
 Thế đã khác, nào nòng tâm-sự !
 Thương người, quê tình-tự, bấy giờ,
 Đêm khuya cò tỏ, cơn mờ,
 Gấm lụa che quạt (6) luống thủa bóng trăng.
 Năm canh, những mơ-màng trên gối,
 Mầu tình riêng biết nội rùng ai ?
 Thương thay ! đêm vắng không người,
 Ngủ thôi buồn (7) báo, dậy thôi gả kêu.
 Hoặc có lúc, bóng chiều trong khốn,
 Bước xuống thềm, lại muốn lên lâu.
 Phải nghe sen ớn (8) kêu sầu,
 Lược râu lóc chải, gương râu mặt soi (9).
 Hoặc ớ, lữ, đưa thoi đêm tối,
 Gọi con li vừa tới đến đang,
 Phải nghe tiếng nhạn khơi chừng (10)
 Máy loai chân đạp, thoi ngừng tay đưa. (11)
 (Xem tiếp trang 12)

HAI MƯƠI BÀI TẬP KIỀU

tương - truyền là của Hà Tôn - phủ

SONG-CÖE

Nhân đêm mồng 10 tháng 8 Âm-lị h ban văn học Hội Kha-trí, theo lệ thường hằng năm, có làm lễ kỷ-niệm là thi bài Nguyễn Du, tại hội quán của Hội, tôi nhớ đến tác-giả *Truyện Kiều*, bèn liên tưởng tới một tập *vịnh Kiều* trước đây tôi đã được đọc. Tương truyền rằng những bài thơ chữ Hán trong tập ấy là của vua Minh-mạng, mà những câu tập nó n theo sau là của Tôn-phủ Hà Tôn Quyền. Vậy xin giới thiệu ra đây để góp chút tài-liệu vào văn-học.

Trước hết, xin có mấy lời thuyết minh: bản *vịnh Kiều* đây là một bản sách viết do ban Bạch-Diện cho mượn, trong đó rõ là: « *Thánh-lô Nhân hoàng-đế (1) ngự vịnh* » và « *Tôn-phủ Hà Tôn Quyền tập âm* ». Toàn văn chia làm 20 hồi, mỗi hồi có hai câu bốn-ngẫu bằng chữ Hán (2) nên làm tổng đề, cũng như lời các tiểu-thuyết Tàu xưa thường đặt hai câu đối nhau để làm tựa đề cho từng hồi vậy. Hồi thứ theo theo lời đã chia ấy, mỗi bài thơ chữ Hán vịnh trước, một bài tập Kiều đề sau.

Hai mươi bài thơ chữ Hán mà người ta cho là của vua Minh-mạng ấy, tôi thấy sao chép phần nhiều sai-lầm, nên chỉ dẫn từ một bài vịnh ở hồi thứ bảy ra đây để hiến các bạn, từ thường giám, chứ không dám mỗi một hồi lại dẫn cả ra, vì một cơ-vất để hiểu là tôi chưa tìm được

bản sách nào tinh-tả đúng chữ hơn và chưa đủ tài-liệu để khảo xem 20 bài thơ ấy có quả thực là của vua Minh-mạng.

Còn hai mươi bài tập Kiều mà người ta cho là của Hà Tôn Quyền đây thì chép bằng chữ nôm, ôi cứ theo đúng trong bản sách viết lại đã được thấy đó mà phiên âm ra, chứ không so-sánh với những bản Kiều khác mà sửa chữa gì cả. Đến như 20 bài tập Kiều ấy phải chăng là của họ Hà, tại là một vấp dễ hiểu, nay không bàn tới. Vậy viết bài này, tôi chỉ có ý giới thiệu tài-liệu, chứ không làm việc thẩm định đề tài. Xin các bạn thiện mẫn lượng thứ cho.

Bài thơ chữ nôm ở hồi thứ bảy

金生恩意馬生緣
舊恨新愁淚點然
破鏡重開孤月夜
嬌花初舞亂風前
羞將書淚畱春鎖
悔招琴心過別船
幸得才郎情易化
不妨紅點被人憐

Dịch âm

Kim-sinh ân-ý, Mã-sinh duyên:
Cựu-hận, tân-sầu, lệ-điểm nhiên:
Phá-giàn trùng-khai cô-nguyệt dạ;

Kiều hoa sơ vũ-lạn phong tiền
Tu-tương từ lệ lưu xuất tỏa,
Hoi-bào cảm tâm quá biệt-thuyền.
Hạnh-đắc tài lang tình dị-hiến,
Bất-phương hồng-điểm bị nhân-liên

Dịch nghĩa

An-ý chàng Kim, duyên lợ Mã
Sầu nay, hận cũ, lệ thấm sa...
Tủi-soi gương vỡ bên trăng quạnh
Lạ-như hoa non trước gió giã
Xuân-không thư này buồn đề lại...
Cảm-ôm-thuyền khác hối theo qua..

Dễ dàng may được tình lang ấy,
Hồng-điểm, người thương: chẳng ngại mà

Hồi thứ nhất

Có tình hay vô tình: bên mộ viếng Đạm-Tiên.

Có duyên hay vô duyên
giữa đường gặp Kim-Trọng?
Một vầng trăng ấy, bóng tà,
Đã từng gặp với ai là bởi lời...
Tiếng tay cũng hội thân người
Sân đây là tiếp một dải lên

lương.
Cờ người khác ở trên phương,
Trăng san hô ngọc cũng phượng

Kim-trọng,
Nhưng là lạ lẫm lạ lẫm,
Khách đã lên ngựa, người còn ngó theo.

Hồi thứ hai

Đem đến chiêm bao. Kiều mơ đề thơ xấu số.

Ngày hằng nghề mất, Kim
định kết mối đồng tâm.

Nàng từ chiếc bóng sen thơ,
Bụi hồng leo dèo di về chiêm bao.
Đoạn tròng là số thế nào,
Nở đầu ai đã dặt vào lộn tay.
Phận sao đành vậy cũng hay,
Nỗi chàng Kim Trọng bây chày
cũng thương.

Vết mây đón bước ngọn tường;
Hướn hoa đã thấy rồi chàng đứng
trông.

Hồi thứ ba

Hải đạ tạc ghi, câu lam có
lời.

Suốt đêm vui vẻ, ngọc trắng
vẫn lành.

Lòng riêng riêng những kinh yêu,
Sấm sấm dè neo lam-kiều lộn sang,
Đành liều lên uểng ngoài tường,
Vi lox nên phải ngó đường tìm
bạ.

Sớm đào rồi mặt lầy-là,
Xuân lan, thu cúc; mặt-mà rã
bãi.

Vội thì liều ép, hoa nài
Còn vừng giăng bực, cợt nhỏ
vớ-xưa

Hồi thứ tư

Nặng lòng hiếu thảo mênh
cỏi nhẹ.

Dứt mối tình duyên em chấp
vào

Đương cơn biến hóa lạ đạ
Chữ tình, chữ hiếu: hân hào pãng
hông?

Đã chạ lầy chữ hiếu nài
Lâm con trước phải đến ơn sinh
thống.

Ngồi ngó thời lại nghĩ mình,
Nỗi riêng nên mệ mới tình
chị

Chiếc thoa với bức lụa may;
Thời thì nỗi ấy sau này đã em
rồi

Hồi thứ năm

Cam lòng chịu, cơn bối rối
quyết liều từ sinh

Dứt không ra suốt gia đình
khóc đứt gan ruột.

Khéo cao gia của phá g a!
Nhìn nết, ông đã x' t x a r ột
lầu.

Tương cang ngli, ngli cang d u
Lầu mình, ông mới gieo đầu
tướng vô

Nỗi thương rồi chẳng hết nỗi,
Này ai tu tác chệ người hợp tan!
Cơ giới dĩa bề đã đản,
Đã rằng đã cũng nát gan lợ
người.

Hồi thứ sáu

Liều mình vì hiếu, nàng Kiều
còn hận chu toàn

Không nhọc được vãng chàng
Mã tha hồ buong phí.

Cũng đừng anh quân, lo quanh,
Lại thua à Lý bán mình tay s o ?
Hở rằng của đản, tay trao,
Cổng rã, rã là mẹ kiếp nào
giả

Máu đản đản đản đản đản đản
Máu đản đản đản đản đản đản
mô.

Kể thì mới rồi, rã rã
Lẽ làm đã đản, đản rã, cũng xong

Hồi thứ bảy

Ngượng - nghịu vì mẹ chạ
dặn lại chấp em duyên, chi?

Giàu - giàu gặp quàng bom,
bưởi dầy lợ trước sự chán
Xuyến huyền, rudi họ ang ra,

Lay rồ, à g mớ gì tra àn-cân
Trăm người giữ lấy tình, quả
dây lầy, Mượn rợn ơn nó, Tơy Yân, thay
nét.

Chiếc thoa với bức lụa may;
Thời thì nỗi ấy sau này đã em
rồi

Cũng lầy mà phân cho rồi rợy
xanh *

Chẳng là gã Mã U ám-s'nh,
Làm chi rợy rợy rợy rợy rợy rợy
cười!

Hồi thứ tám

Gái hiền cam lòng với mũi
dao trắng

Mạ giã bay chèo từ
khách má hồn,

Làm bì lợ bả oang'a
Còn a nêu nợ lẩn sao là ti ác cho
Lo gì tiệ, áy má lợ,
Hợp này ci đing kẻo cết bñ mớ
xười.

Rủi may ra cũng sự rợy,
Đi đau ci đing b ết epn người Sô-
Khánh!

Tuồng chừu rợy g ố rợy bñ t a h,
Mưa rạo rạo đã rạo rạo rạo rạo
ngày

Hồi thứ chín

Tuồng khách tình hảo, rợy
Kiều thua lợ, rợy lợ.

Chón ai mớ b ết, Sô-Khánh
lừa cũ, rợy người rợy
rợy người rợy ngấm rợy rợy,
Khi rạo rạo rạo rạo, rợy rạo

Mạ rạo rạo, rợy rạo rạo rạo
Hổ rạo rạo b ết rạo rạo rạo rạo
rạo rạo

Oanh k á rạo rạo rạo rạo
Rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo
G á rạo rạo rạo rạo rạo rạo,
Cánh rạo rạo rạo rạo rạo rạo
lại rạo.

Còn rạo rạo
SONG-CO

(1) Mieu hiệp cãd vĩa M'inh-m'inh
(1890-1890).

(2) Rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo
mà rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo
bát rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo
rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo rạo
79.

« THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM »

(Tiếp theo trang 11)

Khả lâu dạ phần cao đạt dân L.
 Dạ kham trâm hải kien giai âm f
 Tịch thoan vọng vọng dinh âm,
 Sương hân tất suất thí h ngà thanh sâu
 Vọng hải kien dĩ du ngã độc l.
 Cổ khâu môn tại p. u; ngan hoàn
 Thủy gia kô rươg tây lan?
 Hàm ninh ý kỷ kieu tâm rô dăng,
 Khả lên nhậi lũng quốit lự lảo
 Nhậi tá tá bất đão hồi tưu,
 Lãm y bô bộ k-a-g (u,
 Thửu minh dương-liều đài sâu mi khan,
 Vọng bất-kieu phên-phien ngã độc,
 Cổ cầm-blén cuốit dục vi thnh.
 Họa xiêm điệp bĩ lan lình
 Hàm thỏ xuyên cực p. u; Lãm tây-viên.
 Kim tất vị > * thụ thiên tình hảo,
 Ngã lương-nhân tương dao qui kỷ
 Hàng tri thế-lộ nhiều-khê l
 Quan-sun thiên lý v. kỷ hạt lai!
 Kim tất vị: * Ngã ly vĩnh cửu,
 Tự trảng-an hoạn hảo kham-trú
 Phong-tinh quốit từ p. u; l-ưu.
 P. u; hoa thầi hữi hoặng châu để thành,
 Cầu phr hữi nhậi-lịch dĩ giã.
 Hồ nhĩ xuân, nhĩ hạ, nhĩ thu?
 Đợ lai từ các, hồng lâu?
 Ảnh lũng bất trú trượng-phu nan tri?
 Như thử giả, thủy tri chi giả?
 Yên-ba trung sử ngã tàn sâu (12)
 Ngang tàng khor thển niên dạ
 Phong-lưu cưu thái, giang-hồ cổ gia.
 Lữ-cảnh mỗi từng nga li thốit!
 Hương hân không hương mộng trung đủ,
 Giang sơn khách diệc tri hồ?
 Kinh trướng cảnh thiết lộ đồ gian-nan.
 Tuy viết: dĩ, hảo tưu phư-sự,
 Nội lễ gia, thượng tự tồ-liên.
 biếu-mao, hoàng-thủy vi kien,
 Ấu tri chủ quỹ năng biếu phư nhân?
 Khả tri giả thập phần gia-thu,
 Nhứt môn trung tống hảo vô nguy.
 Biệt-thời chính tại hải-nhi,

Tương thay có đêm chờ nửa giờ
 Đêm gần qua, chẳng thấy thư về
 Gác thoi ra đứng bên Tề,
 Tại nọ & tiếng để rỏ rỏ khóc sương!
 Trông ci. ang thấy, enad-chương loan-thở l
 Đãi p. u; khou, muốn trở gót giầy?
 Gà ai eo-óc hồi tây?
 Gấm lình dựa ghế, lữa lay kêu đèn,
 Thương thư l. có ngày nhìn sáu khác l.
 Ngày gần tẩn, chẳng gặp thư sang,
 Xuống thê r ra đứng bên-dang,
 Máy sâu lá lểi, hàng-tàng khóc về.
 Trông chẳng thấy, lại về đứng đợi,
 Đãi cầm-biên loan gọi ngón dận.
 Bướm đệp chên rớt bình lan?
 Buồn lình mang dép ra vườn hái hoa.
 Rây-lần hảo: * Trời đã mất mỗ,
 Lương-nhân ta cớ lể gần về...
 Biệt đầu đường thế nhiều-khê l
 Dạm ngàn l. dĩ dĩ đi về cho năng l
 Rây hảo nói: * Minh chừng lâu ở,
 O. p. kham-trú hoặc đã đổ người?
 Phong-lưu tẩn đã quen rồi,
 Phồn-hoa li-th-sự lại mùi l. rảng-an,
 Nếu chẳng thế, hân thốn chi mĩ,
 Hết xuân rồi, hữi lại sang thu?
 Lầu hồng, gung cầm ấy ru?
 Ảnh-bùng tại với trượng-phu dĩ từ?
 Như thế ấy, bây giờ ai biết?
 Trong yên-bá khôn siết dạ sâu (12)
 Há còn trai-trẻ chỉ đầu,
 Phong-lưu thoi cũ, giang-hồ lối xưa.
 Cảnh dạ-lữ; cầu thơ thốn-thứ l
 Bông hương-quan trước mắt-mơ-mãng,
 Nón sông, khách cớ biết chẳng?
 Vẫn tỉnh thì nhớ, nhưng đường thĩ khor.
 Tuy lũng nói: dĩ ngời tẩn-tảo,
 Trên tồ-dương, trong đạo tể-gia.
 Rau khe, nước suối cũng là,
 Minh xa nào biết ở nhà lãm sao?
 Duy biết trể đũa uão, đũa nầy,
 Trong gia-dinh đều thấy yên vai.
 Lúc đi, trể mới hữi cười,

Niên lai tướng dĩ phát thù, nha sinh.
Khả ải giả kỳ huynh chi tử,
Niên thập tam, nhập tứ trung lai !
Ngô huynh diệc viết hạnh tai,
Đề kim vị giác thù khai học-đường
Khả tư gả đồng-song nội khổ,
Chi-lan hương tể tể do' văn ; (13)
Mã bôi (14) tự ấp khinh trần
Vị thành thử hậu, cổ-nhân diệc từ (15)
Bất tri hậu Bắc-kỳ khởi phi,
Nơi ngô huynh dĩ vị hồi thần ?
Tà tại ! đồng bệnh tương lân !
Nhất Tiên-tương, nhất hương Tần, nhất
phương ! (16)

Tương hà nhật cánh tương đối ngữ ?
Tự khuê-linh hữu tự khách trung,
Nhi kim thu nguyệt, thụ phong,
Thu ngâm, thụ hương tình trong giả thù ?
Đối lý-cảnh, lệ thù song nhãn !
Cổ-hương quan lộ hạn trùng san,
Tự tàn, độc ý lan-can.
Giác lại nhĩ khản dạ hoàn thế-lương !

Lam hàn

Một đêm thu liêu sái Đình-cột-
Thận đã sản-xuất được 140 câu
thơ chữ Hán.

Khúc, Thu dạ lữ hoài có vẻ
trầm-uất, hùng-lý, mộng-mơ,
man-mác, cổ-môn đáng, nghĩa
bình về cách đứng chữ, đặt câu
và kết cấu, tác-giả đã khéo biến-
hóa và tả-vẽ được hết thấy tư-
thế và bức-thứ. Nào lạ ngược, nhớ
nhi, đây tương thời sự, Đình-
cột-Thận mượn mấy vần thơ để
thả-cho nỗi mình bạc-mệnh, ai á
ra, hiểu câu kháng-khải, đầy
giọng, làm li.

Họ Đình đã khá-khổ tả-tư,
âm-ý nghĩa ngâm, trải bày ăn
biến-hóa trong nét nghĩa trong
mới soạn thành thiếp. Thu dạ lữ
hoài ngâm đây giọng kỳ-đặc,
rạo rêu, thanh-nhã, phớt-dắt,
không phụ cái tên thi-thơ.

Chú giải

(1) Trương-kể tự là Ý-ôn là
một thi hào đời Đường Mất đi n
thu, bơi thuyền, tới Hàn sơn đậu
lưu lại ngủ. Nhưng không sao
ngủ được, mơ màng gần sáng
tưởng mới nửa đêm, nghe tiếng
chèo chũn buồm sang cũng lấy
làm ngạc-nhiên, không hiểu sao
nhà chùa gõ chuông vào giữa
đêm vì vậy có bài thơ :

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn
thiên
Giang phong như hỏa đốt sầu
miên.
Cổ lộ thành ngoại Hà-sơn tự,
Da bán chung thanh dục khách
thuyền.

Di h

« Qua kê lẳng lẳng lười lười
Lửa chài le lói, sầu v rọng giấc
Thuyền ai đậu bến Cổ-lô ?

Tóc răng nay đã ra người lớn khôn,
Và thẳng chèo, trời lương cũng khá
Tuổi xuân này, chủ lý đã rạo rêu (1)
Phục nhia, mừng trộm cho an,
Năm nay, biết đã học h ỉ cùng ai ?
Đạn đề : sặc s, một hai t ỉ thực,
Mãi chi lạc sự nưc mọi nhà, (13)
Từ phen cất chôn quan hà (14)
Vị-thành lúc ấy, rồi mà Đường quan, (15)
Sau c ằng biết ngoài mi ỉ Bắc động,
Hai an ỉ ta có chổ ỉg hồi lương ?
Thương ôi ! đ ỉg bệnh cù ỉg thương !
Mộ. Tàu lại một T ỉ ỉa trong một trời ! (16)

Đến bao giờ cũng ngồi kể truyện ?
Kể hương tình cho đến khi h ỉ tr ỉng,
Mà nay nào nguyệt, nào phong
Nào thi, nào tửu, biết-eu ỉg ai hay ?
Sầu lý-biệt tuần đầy hai mắt !
Bóng hươ ỉg quan xa khuất dặm-ngàn,
Rượu rồi, ngồi dựa lan-can,
Chiêm-bro tình giãc đêm, tàn về tàn !

Nửa đề n nghe tiếng chuông
chùa Hàn sơn.

(2) Đỗ Phủ, hiệu là Tử mĩ, là
một tu-tào đời Đường, một buổi
chèo thuyền, ni ỉn anh nhà, làm ra
bài Thu h ỉng, trong đó câu :
« Túng cùc lượng kh ỉ tha nh ỉ
lệ Cổ ch ỉa nh ỉ lệ cổ viên
l ỉ » (không cùc thêm : ỉn h ỉng
lệ cũ, Con thuyền trôi h ỉc l ỉn
lòng nh ỉ).

(3) Ban-S ỉ đời Hán làm nghề
viết thuê, sau viết b ỉ h ỉ rằng :
Làm trai phải lo l ỉp, công ngoài
nghĩ ỉm, không cần nghĩ mà
g ỉv cho ph ỉ l ỉ tr ỉ

(4) Mạnh ng ỉ đời Hán là một
ng ỉ h ỉu ỉ h ỉ, làm quan úy ở
ph ỉ An đ ỉng, được ỉ ỉng ỉ
nh ỉ b ỉ h ỉ, c ỉn ở b ỉ, mà l ỉ
l ỉm v ỉ v ỉ l ỉn tr ỉn c ỉn m ỉ song
oan

(5) Tôn T ỉng có tr ỉp l ỉn
l ỉm l ỉm h ỉ h ỉa Một h ỉn l ỉ

ĐẠI NAM DẬT SỬ

(Tiếp theo trang 5)

sách phong Tiên-hoàng làm « Giao-chỉ quận-vương », lại cho Đinh-Liễn chức « Kiểm - hiệu thái - sử - tỉnh-hải-quân tiết-độ-sứ An-nam đô-hộ ». Bài chế-từ của vua Tàu như sau đây: « Thế vi hữu lộc, năng bảo hà phương. Chỉ mộ hoa phong, thường tư nội-phụ. Cửu châu hốt nhất, ngũ-linh khuyếch thanh, toại đại thâu tàng, nãi thâu chức-cống. Gia lộc tự xung phiên chi ý, từ nãi phụ liệt thủ chi phong. Bất dĩ duy sư, trừ chi tể phủ. Dụng bao kỳ đức, khởi bân dĩ « chương », nghĩa là « Đời đời là gây-tộc, bấy giờ giữ được cõi đất ở mọi phương xa. Có chí-khí thì văn-hóa Trung-hoa, nên mới nghĩ đến việc nội-phụ. Nay chín cõi đã thu về một mối, đất Ngũ-linh đã quét sạch. Chư-khê chèo non vượt biển, đem dâng lễ cống để tỏ lòng thành. Khen người con có ý xung phiên, cho người cha được phong thái-địa, ngôi thứ được có binh-quyền, nối đời được thu thuế ruộng. Ban sắc này để khen người đức lớn, không phải như người khác phải theo phép thưởng ».

Lần thứ ba, vào mùa thu năm Ất-Đợi (975), vua Đinh sai Trạih-Tả đem đồ phương-vật sang nhà Tống. vua Tống cho Hồng-lô-tự-khánh Cao-bảo-Tự và Vương-ngân-Pha

đem chế sách gia phong cho Nam-Việt vương Lỗ. được khai phủ nghị-viện tam ty, kèm hiệu thái-sử, Giao-chỉ quận-vương Từ bấy giờ dời đi, phẩm sai sử sang nhà Tống thì Tể-hoàng cho Lỗ cũng chế (Lược: dĩ h. Khâm-định Việt-sử q. 1, tờ 4, 5 và 6).

Về việc: Tể-hoàng đã lên hiệu là Thái-bình đầu ta còn truyền tụng câu ca dao rằng: « Xem lên giảng học giới hồng, đạo miếu sơn thủy bệ hồng Thái bình ». Ý nói sau khi Đinh-hoàng đã xưng đế được hai năm, trông lên giới thì mặt giới mặt giang sáng-sủa, trông xuống đất thì non nước thanh cao, lồng-lộng một nước Đại-cổ-Việt mông-mênh đến tận vạn dặm, non sông sinh sôi đẹp, hoa cỏ đón mùa xuân, người Nam mà làm chủ nước Nam, trông thấy cảnh-tượng thái-bình, thực là một bậc anh-hùng mở nền chính thống cho nước Việt là (Lược theo Việt nam phong-sử của cụ Nguyễn văn Mai, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của trường Bá-cổ, số AB-320, tờ 25 a và 25 b).

Phong-sử còn chép ba câu hát như sau đây:

« I. Bân mai xuống tận bờ đồng, đẹp lấy coi rồng nổi lên chia khác. Ta rõ hỡi !

« II. Loạn chuẩn chuẩn là loan Kim-xoa bên bay mở cửa bên qua sang luôn. Ta rõ hỡi !

« III. Chèo rần đi đầu, vượt râu ông hăm. Ta rõ hỡi ! »

Mấy câu hát ấy không rõ nghĩa, nhưng đều là lời hát của trẻ mục-đồng, nên các nhà làm sử hoặc chép truyền gán vào đời Đinh Tiên-hoàng khi bấy còn trẻ con.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN TỐ

Giới thiệu

1) Đồng vọng (IV) tập hát lịch sử — Lửa hồng ruối-bã, giá 1\$00

2) Quí-li-ve du ký Nguyễn văn Vĩnh di h Alex. de Rhodes xuất bản — giá 5\$00

3) Tể-hoàng cao thượng Hà ma Anh di h Alex. de Rhodes xuất bản — giá 4\$00.

4) Chữ nho học lấy trọn bộ 2 quyển Cựu sử Đông bà Tra soạn biên sách Đông Tây 195 hàng Bàng Hào xuất bản giá 4\$ 11 chữ nôm kèm theo các thí dụ rất rõ ràng Phương pháp rất rõ ràng — Học xong cuốn này có thể xem thông hán-lý được.

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu cũng các bạn đọc. T. T.

Tối 14 Octobre 1944

tại nhà hát lấy dễn

QUÁN BIÊN THUY

của THẠO THAO

giúp hội Thân hữu tể thao

Đã in xong

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

lịch sử tiêu-thuyết của

NGUYỄN-HUY TƯỜNG

Giá 3\$ 80

Ty xuất bản TRI-TÂN

PHẦN ĐẦU

thơ của MINH TUYẾT

tác giả xuất bản

Cải chính

Trong bài thơ « Thu từ » ở đặc san Thu tập I của bạn Giả Văn Hải chữ « gió mây » xin đọc là « gió mây ».

T.T

ĐÓN COI KỶ SAU,

— Bản về chữ « Bội »
của ĐOÀN NOVI

— Bài trả lời của QUANG-HOÈ

— Sự liên lạc giữa nhà
văn và nhà xuất bản
của PHẠM-MẠNH-ĐẠO

NGƯỜI DƯỚI MA HAY KHÁCH LÀNG CHƠI ?

Hì đạị NGUYỄN-HỮU-TRÍ

TRONG truyện Kiều, đoạn Thúy-Kiều đi 'Thả m-minh, trước năm mỗ vô chủ, khóc thương vậy cho Đạm-rên, có 2 câu 899)!

• Nào người phương chạ loan chung ?

• Nào người liếc lục tham hồng là ai ?

Ông Nguyễn Văn-Vĩnh trong bản dịch Kim-Vân-Kiều ra Pháp-văn (1), dịch 2 câu đó như vậy:

« J'évoque ici les mânes de celle qui a véu ainsi avec plusieurs hommes,

« J'évoque encore les mânes de celle qui n'a pas su choisir, parmi ceux qui l'avaient tentée Qui est-elle ? Quelle m'apparaît-elle ?

Xin tạm dịch lại ra quốc-văn:

« Nơi đây tôi kêu gọi vong linh người đàn bà đã từng ăn chung-chạ như thế với nhiều người,

« Tôi còn kêu gọi vong linh người đàn bà đã không biết lựa chọn, trong đám người đã cám dỗ nàng. Nàng là ai ? nàng bây giờ hiện ra cho tôi được trông thấy !

Sơ mấy câu dịch trên đây với nguyên văn của Nguyễn-Du, tôi nhận thấy nó có vẻ đi kỳ, xa lạ quá. Mà tại sao có sự

xa lạ, đi kỳ như thế ? Ta có thể tìm hiểu được, khi xem thêm ở phần dưới; phần chú thích từng chữ, từng từ ngữ; Dịch giả chưa nghĩ bằng chữ tây, dưới đây tôi dịch ra quốc-ngữ nghĩa vài chữ và từ ngữ đáng đề ý.

a) người (2 chữ người trong 2 câu) chỉ một người về phái phụ nữ (2).

b) phương chạ loan chung; chung-chạ với nhiều người bằng những cuộc tình duyên tạm bợ (3).

c) liếc lục tham hồng: liếc màu xanh và tham muốn màu hồng; không nhất định trong sự lựa chọn, chọn lựa điều-linh bởi chiều theo những kích thích nhất thời (4).

Về nghĩa hai từ ngữ (b) và (c), tôi có chỗ không đồng ý với Nguyễn tiên sinh, xin sẽ nói sau (5). Chủ ý của bài này, là bàn cãi về nghĩa chữ người, trong 2 câu Kiều (899 900) là chỗ quan trọng nhất.

Theo Nguyễn Văn-Vĩnh thì « người phương chạ loan chung

« người liếc lục tham hồng và « là ai ? » đều là một người, đàn bà Người đàn bà này, theo nghĩa trong câu dịch, rõ ràng là Đạm-Tiên.

Tôi thì liệu thì không phải vậy.

Tôi hiểu rằng: Hai chữ người... và « là ai ? » đó nói đến và hỏi đến, không phải một người đàn bà, mà: nhiều người đàn ông. Những người đàn ông đó là những người khách làng chơi, đã từng yêu mà chiều chuộng Đạm-Tiên thừa trước.

Tôi hiểu vậy, vì nghĩ rằng:

Hai câu đây là lời nói của Thúy-Kiều. Nó thừa ý hai câu trước (87-88), cũng là lời Kiều tỏ-tỏan cho 'số-phận Đạm-Tiên:

« Sống làm vợ khắp người ta

« Hai thay thác xuống làm ma không chồng;

Sao nói là « làm ma không chồng » ? Vì những người đã là không (nặc dầu là chồng tạm bợ) của Đạm-Tiên thừa trước, họ có thấy ai đâu còn nhớ đến hoa xưa tình cũ nữa, đến nơi mộ phần lạnh lẽo này, đốt một nén hương cho ấm cúng vong linh người chết suốt ? Đó là lý 2 câu 899 900. Ý hai câu này còn tiếp xuống hai câu kế (901-902).

« Đã không kể đoái người hoài,

« Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.

Hai chữ kể và người trong câu 91 cũng còn chỉ những khách làng chơi.

Vì thơ đi một mạch từ trước đến sau, thừa tiếp nhau rất phân minh rõ-rệt như thế. Nếu cho rằng trong 2 câu 89-90, Kiều kêu gọi vọng Linh Đàm Tiên về, e sai với ý nghĩ của tác giả hai câu ấy đi chăng? Và, đứng trước năm mớ vô cớ, tưởng khi Kiều lúc ấy chỉ còn tâm-nghĩ thương hại cho người mạng mỏng chứ đối với người nằm dưới má, quyết rằng na g không có chút ý nghĩ khinh rẻ (câu 81). Gán cho Kiều những ý nghĩ không tốt này về Dam-Tiên: « chung chạ với nhiều người », « không biết lựa chọn... cũng oan cho Kiều nữa.

Hướng cái, lúc này Vương-Quan vừa bảo cho nàng biết rằng :

« Dam-Tiên nàng ấy xưa là em ruột; » (câu 82) nàng đã rõ tên Dam-Tiên rồi, giờ còn hỏi : « Nàng là ai ? » (Qui est elle ?) « chi nữa ?

Bởi nghĩ thế, tôi ngờ hai câu đi h của ông Nguyễn Văn Vĩnh không được đúng với ý nghĩa nguyên văn. Tôi đã xem lại khoản chữ in về 2 câu 89-90, trong những quyển dẫn giải hoặc phiên dịch truyện Kiều tôi hiện có. Tác giả quyển nào cũng đồng ý với tôi về điểm cốt yếu này : « Hai chữ người... trong đó nói về những người khách làng chơi đàn ông, chứ không phải chỉ Dam-Tiên »

Dưới đây xin chép lại những lời hủ thẹn, hoặc những câu định 2 câu Kiều ấy :

1) Lời chú giải của ông Hồ Đắc-Hàm (Kiều truyện dẫn giải từ 7-8)

« Đây nói những người tới lui ngày trước thương hay chung chạ như vợ chồng hay ham mê Kristiêng quạu xắt mà háy gì nào thấy ai thắm, ổng gì đến Dam-Tiên... »

2) Lời chú giải của ông Tân-Đà Nguyễn Khắc-Hiếu (Vương Thúc-Kiều chú giải tân truyện tr. 18) : « Hai chữ người trong câu đây nói vào những người khách làng chơi K... trước qua lại... »

3) Lời chú giải của hai ông Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim (Truyện Thúc-Kiều, tr. 58).

« Nào người phượng chạ loan chung là nói những người có vợ chồng sum họp ở nhà sống.

« Nào người tích lực tham hồng là nói những người uế mũi xanh thêm mũi đỏ mà không được nghĩa là tham thặng họ Dam-Tiên chẳng con không có ».

4) Trong quyển Kim-Vân-Kiều ông R. Crayssac dẫn dịch 2 câu ấy bằng những câu thơ bóng bẩy như sau :

« Ah ! ces galans d'un j u r, les amants de rancun contre, « Si leur cœur h dle' encor, b en vi e gu'il le montrent ! « Hélas ! De ces amours les temps sont révolus

« Et le fant couple de phénix n'existe plus !

« Où donc l'admirer passonné gu'opp esse « Toujours l'amer regret d'ra ve le jeu. e se,

« Qui toi jours dans son révo, évoque sa douleur

L'incarnat mer-cilleux de ses lèvres en fle rs ? (L... » (René Crayssac. Kim-Vân-Kiều, tr. 10-11)

Dịch nghĩa :

... « Ô ! Những kẻ h um hoa một buổi, những bạn tình gặp gỡ là có ! Nếu lòng ai còn rung nấu yêu đương, háy mau mau bày tỏ. Hỡi ôi ! Những ngày ân ái đã tàn-bặt ra rồi và cặp phượng loan hỡi có còn đậu nữa ! Đâu kẻ mê hoa đắm nguyệt lúc nào cũng bán rẻ lòng (đ) để cho thời xa dần xanh thủa nồng ? Đâu kẻ lúc nào vẫn mong ông thiế-ti là vợ-văn thốt để màu hồng huyền diệu của đời mọi người h a nở rộ nồng (...) »

Cả đoạn dài lời g trên này cũng chỉ là đến những khách điếm hoa, những bạn tình, những kẻ mê hoa đắm nguyệt... thành là những người khách làng chơi

Vậy, nhiều người, cũng như tôi, chỉ g h ệ hai câu Kiều ấy một cách như nhau.

Riêng ông Nguyễn Văn Vĩnh lại khác. H ệ khác mọi người chưa đi là h ệ sai Cl... Ông ông có k ến giải riêng của ông Tr ờ thay, nhà văn tên h ệ đã đem góp vào kho tàng văn thư Việt-Nam nhiều công trình dịch thuật rất có giá trị, nay đã ra người th ệ c ệ.

Ch ệ đó có phải th ệ ông h ệ là em ruột ? X ệ kinh nghiệm các bậc quảng bá : cao-mi-hi plan đoán.

Lời nói đi ng ệ về sau vì nghĩ rằng : Sau này b ệ d ệ ch ệ có người ngoại quốc chỉ thông tiếng Pháp mà muốn đi h ệ — hoặc th ệ — truyện Kiều ra tiếng nước h ệ V ệ b ệ h ệ h ệ bản đi h ệ Nguyễn Văn Vĩnh, b ệ b ệ bản dịch Kiều của nhà c ệ ông Abel des Michels, L. Masse R ệ

Crayssac và M R. Nhưng bốn bản di h này toàn 'a của người Pháp, Đà-sao, bản của người Việt-Nam dịch ấn Việt Nam cũng sẽ được chú ý hơn, ứng sẽ được xem là có giá trị hơn hết ở chỗ dịch được sát nghĩa trong câu, dùng chữ. Cố nh ấn bản di h của ông Nguyễn Văn-Vĩnh sẽ được người ngoại-quốc đọc biết chữ ý, dùng làm tài liệu để dịch thuật truyện Kiều ra tiếng nước mình. Vậy nếu trong ấy ón có chỗ sai lầm, không khỏi làm lầm lộn đến người khác. Ngươi vậy tôi mạo muội với hai này, tự biết vạch chổ lầm của một nhà văn, lão thành 'a quá ố - nếu chổ lầm ấy quả ố - rất có thể bị buộc vào cái tội bất kì h đối với người trước.

Nhưng tôi lại nghĩ: cái công trình quý hóa của Nguyễn liên-sinh đó, không phải là của riêng của liên-sinh, mà là cái Lương của chung của liên-sinh, để lại cho người đời. Vậy nếu trong quốc dân có người thấy lỗi không ở trong cái hướng hóa đó mà chẳng nói ra, e cũng không khỏi dắc tội với toàn thể.

Vả vạch lỗi lầm của Nguyễn liên-sinh là do tâm lòng thành của liên-sinh sau học muộn, mong muốn sự toàn bích cho một bản ngọc bản của liên-sinh. Lại xhò dôi, lượng khi dưới sự chỉ dăng; liên-sinh cũng biết vậy mà thể tất.

Hỉ dăm NGUYỄN VĂN-TỐ

(1) Thư xã A. de Rhodes xuất bản năm 1913 tr. 25.

(2) Personne celle qui n'ignore rien de la langue française.

(3) Unis à plusieurs par des amours pers-jers.

(4) Ne regretter le vert et le rose, n'être pas fatigué de s'en choisir, avoir choisi en s'en obéissant à des impulsions momentanées.

Tài liệu đính chính...

(Tiếp theo trang 9)

Thơ trào phúng của Ba-Giai

Tri tân, số 157, ngày 7-9-1944, có đăng *lời thơ trào phúng của Nguyễn-văn-Giai*, do ông Khái-sinh Dương-tự-Quán sưu tập. Trong có chưa câu này xuất hiện: « Hay là thương tiếc mây may của đời! Hay là tiếc cái xuân xanh », và có lỗi ai nhớ đúng từ gì. Cố như tôi được nghe thì chổ ấy thiếu một câu văn « hình » mới hợp vào « xanh ». Nhưng bài tôi được nghe hơi khác, lại có chổ sai, lặp, song lối văn này, cốt lời cho loát, nên không kể gì, vẫn như câu « Chầu trong si-tịch cũng là đại viên », nếu lấy đúng văn thì cũng có nghĩa, nhưng không có ý mỉa như câu « Cũng toàn điều xáo, nhưng mà lại thôi! »

Đoạn văn tôi nghe được ở Hồ-khầu đã ba mươi năm nay, so với bản dịch của ông G. Duménil (Les chants et les traditions populaires des Annamites) in à Paris năm 1890 (trang 125)

(5) Theo ông Nguyễn văn-Vĩnh (xem thêm nơi tr. 58, bản dịch K.V.K. của ông) thì phương-chợ loan chung có nghĩa: hai bên trái gái (hoặc tổng mái) chung chợ như một cách hôn tập, tập hợp. Cứ như ý, tôi thì bốn chữ đó chỉ có nghĩa: hai người ở chung nhau như vợ với chồng. Còn tập hợp hay lâu dài là lạ. Theo cảnh ngộ của người trong chợ. Như trong truyện Kiều thì sự chung của Đạm-Tiên cũng như thế, khách lang đi đi quai là tập hợp. Nhưng riêng chữ do thừa ki-đồng có nghĩa làm bộ, giống, ừ, nhờ hai chữ phương-chợ, có thể cho rằng từ này nên gộp với chữ trước.

(Xem nghĩa 2 chữ loan phương, Họa Việt từ điển Đào duy Anh, q.

dễa giống nhau. Đoạn ấy như sau này: « Văn quan tuần-phủ nước cười; Bính-tri là hiệu, năm mươi tuổi già. Áo giầy com-rang quốc gia, Cũng toàn điều xáo, nhưng mà lại thôi! Giեն son chưa cạn nhời nguyền, Bồng dân lại thoát quên liền ngay đi! Hay còn nào-quất làm chi? Hay còn thương tiếc giống gì ở đây? Hay còn tìm chước bính tây? Cứ giờ báo oán, đợi ngày đây bính! Hay là tiếc gái xuân-xanh? Hay là còn tiếc khồng bính từ-tân? Ngón-gang trâm môi bên lòng. Đã loan lịch cốc mấy lần tại thổ. Sao không biết xau với đời? Sao không biết then với người tử trung? Kịp tôn-tất Bá-niết-công, Kim chi ngọc đẹp vốn đồng tôn nhân. Đã quốc-tộc, lại vương-tân, Cũng nên hết sức kinh-soán mới là! Nước non vẫn nước non nhà, Nhỡ nào để mất một tề Thăng long »

(Còn nữa)

Ứng hoả NGUYỄN VĂN-TỐ

thượng, tr. 511. Từ Nguyễn Tập hội, trang 51).

Về 4 chữ « tặc lục tham hồng », Nguyễn liên-sinh cho là không biết chọn lọc giữ những màu sắc hay những cảm (né savoir quoi choisir parmi les couleurs les séductions). Tôi nghe khác Về bốn chữ này. Tôi nghĩ nên theo lời câu của ông Hồ đắc - Bám: « Lục » « hồng » là hai sắc đẹp của cô hoa mùa xuân, thường dùng để ví phan sắc xuân thời của con gái.

Tiểu lục tham hồng: « ham nê trau trau nhan sắc »

Ông René Crayssac cũng hiểu thế. (Xem lại mấy câu dịch của ông ở trên và chú ý đến những chữ « ver à jeunesse » (xuân xanh), « merveilleux » (màu hồng hay huyền diệu).)

Những ông Nghè...

(Tiếp theo trang 8)

Nhược - Thủy rằng: « quốc-vương mặt đẹp mà mình lèch, tình lại dâm, thế là tướng loạn (như tướng), loạn vong đến nơi. Đến khi sứ Tàu về, vua Lê cố đồ rất hậu, sứ bộ đều không nhập vua Lê sai Lê-bộ hữu - thị - lang Nguyễn - Trang Hàn lâm-viện kiêm-thảo Nguyễn-Sư, Lê-khoa cấp-sự - tể-thư Trương-phu-Thuyết sang Tàu tạ về việc sách phong về việc Nguyễn-Sư không chịu theo Mạc, *Kinh-dinh Việt-sử* (q' 20, tờ 41 a đến 42 a) chép: « Bọn Nguyễn-Sư làm phản... »

Tháng chín năm thứ 3 hiệu Quang - Thiệu (1518) Mạc-dang-Dung bắt hiệp vua Chiêu-tông ra Bắc-thầu. Sau khi « vua Chiêu-tông » đã ra Bắc-thầu, « Trích - Toy » và Nguyễn-Sư cùng bọn Nguyễn Kinh thông nhau lập con Tĩnh-tu-công là Lê-Bảng, đặt hiệu là Thiên-dực rồi lại bỏ, lập em Lê-Bảng là Lê Đa-dật nên hiệu là Thiên-hiến, làm hành-diện ở xã Mỹêu-phá huyện Từ-liêm, đặt các quan và hiệu-thước. Vua Chiêu-tông ở Bắc-thầu duy có Trần-chí-Sấm và Nguyễn-Ung theo mà thôi, vua sai người dụ Nguyễn-hoảng-Dụ bảo khở nghĩa cầu vương, Hoàng-Dụ lấy quân Thanh-hoa đến cứu, vua sai Hoảng-dụ cùng Đàng-Dung đem quân đánh bọn Nguyễn-Kinh, Nguyễn-An ở Sơn-tây Hoàng-Dụ đánh lần đầu không lợi, sự lược không thể đánh được đem quân về, đến Thanh-hoa thì mất, còn một mình Mạc-dang-Dung chống nhau với Nguyễn-Kinh

Nguyễn-An ở Sơn-tây (1519) « Đàng-Dung » đem quân ở ở quê nhà đến vây Lê-D ở Từ-liêm nhân mùa tới, Đàng-Dung cho khoi nước vào trại quân của Lê-D, Do cùng bọn Nguyễn-Sư Nguyễn-An chạy đến Ninh-sơn (nay Yên-sơn) Đàng-Dung bắt được gột chết, Trích-Toy chạy về Thanh-hoa, Nguyễn-Kinh và Hoàng-Dụ-Nhạc đầu hàng với Đàng-Dung, Đàng-Dung tin thác tội, dùng làm nanh vuốt ».

Xem như thế thì *Kinh-dinh Việt-sử* chép Nguyễn-Sư « làm phản » không phải là không có lý, vì lúc bấy giờ vua Lê Chiêu-tông hãy còn, mà lại đi lập Lê-Do. Còn như *Đàng khoa bị khảo* chép là « tiết nghĩa » là vì người đời sau đã xé thấu đến lòng trung của Nguyễn-Sư: tuy Lê Chiêu-tông lấy cớ, nhưng quyền-bách về cả Mạc Đàng-Dung, mà Nguyễn-Sư bệ-rằng Lê Chiêu-tông có ngày chết về Mạc Đàng-Dung, nên mới lập Lê-Do để giữ lấy-dối cho nhà Lê; chẳng may, không thành, bị chết. Tên gọi là tiết-nghĩa.

30. — Bùi-đức-Lương, người xã Nội-duy, huyện Tân-du, phủ Từ-sơn, tước Kinh-bách (Bắc-ninh). Đỗ tam giáp khoa 1505. Làm quan đến đoán-sự, (*Đàng khoa bị khảo*, q Kinh-bách, tờ 19 a).

31. — Lý-Khắc-Nạp người xã Cẩm-chương, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tước Kinh-bách. Đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến đồng các hiệu-thư (*Đàng khoa bị khảo*, q Kinh-bách, tờ 34 b).

32. — Mạc Nhuận, Lăng, người xã Đông-khê, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-

duong. Đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến tể-thư; bộ tả thị lang Có chỗ chép ông đỗ năm 36 tuổi và có đi sứ Tàu (*Đàng khoa bị khảo*, q Hải-duong, tờ 62 a).

33. — Lê văn-Hiếu, người xã Vĩnh-tri, huyện Hoàng-hóa, phủ Hà-trung, trấn Thanh-hoa năm 32 tuổi đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến tể-thư (đi sứ) người (*Đàng khoa bị khảo*, q Thanh-hóa, tờ 30 a).

34. — Bùi-di-Đại, người xã Ba-hsam, huyện Đường-hào, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-duong. Đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến đoán-sự. Trong loại Trần-Cảo, ông cũng bị nạn (*Đàng khoa bị khảo*, q Hải-duong, tờ 3b).

35. — Nguyễn-bách-Tuê, người xã Tông-tranh, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng (trấn Hải-duong). Đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến thị-ong-thư, được phong tước bá (*Đàng khoa bị khảo*, q Hải-duong, tờ 15 a và b).

36. — Lê văn-Biểu, người xã Tân-liệt, huyện Bình-hà (Thanh-hà), phủ Nam-sách, trấn Hải-duong. Đỗ tam giáp khoa 1508. Làm quan đến hàn-lâm. Có chỗ chép làm quan đến thượng thư (*Đàng khoa bị khảo* q Hải-duong, tờ 73 b).

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN VĂN-TỐ

Hộp thư

— Một độc giả ở Mỹ-Tiên. Báo vừa gửi đến. Chạm vì dĩa chữ không tại lò đã báo. Kỳ lên không rõ nên không trả lời thư riêng được

Trợ Sự

— Ở Thanh-Vai, Huế. Đã nhận ngân phiếu 20\$. Hạn báo đến 31 6 1915. Cảm ơn.

Ở Thanh-Tao: Quảng báo ông hộ là 1/12 đề page giá 12\$ một tháng

Cuộc phong vấn...

(Tiếp theo trang 3)

bắt đem thi đi ăn xin lấy lưc của nhà vua, rồi ban ngày thì vênh vang khoe khoang hách đĩ h, như thế là vô sĩ. Hai câu thơ của Cung oán:

Mỗi phú qui dĩ lạng xa mã.

Rã vinh hoa lữ gĩa công khanh

Nững người ăn mỗi ăn bả làm đồ Lẽn à cái tư cách của mình là lạng vô lêm sĩ đó.

Cái học nho rồi ở chữ sĩ. Có giữ được sĩ thì mới lêm, có lêm thì mới đứng được như nghĩa, có nghĩa thì mới biết thế nào là phải, thế nào là lẽ.

Vậy cái hay của nho học là lẽ, nghĩa, lêm, sĩ. Do bốn cái đó mới có 4 đức tính này là trung, tín, lễ, dũng.

Có đủ 4 đức tính sau ấy mới gọi là tu thân. Có tu thân được thì rồi mới tề gia, mới trị quốc và mới bình thiên hạ được.

Ở nhà thì tề gia, liêm, nghĩa, lễ. Ra nước cũng thế. Vì thân mình có tu thì ra nước mới có thể làm kiểu mẫu cho mọi người, mới gây được phong tục tốt, mới gây được dư luận hay, mới cảm hóa được lòng người vì ở ngoài xã hội cũng như ở trong gia đình: một người cha đở bảo thì thế nào được con hay, một người an như dẫn thế nào được em dại.

Cụ tạn đứng đề-dùng trả và nhân tiện tới lễ bước sang một câu hỏi khác:

— Bẩm cụ, ngoài các lời cụ vừa chỉ giáo, nho học có có tính cách gì khác chăng?

Cụ liền đáp trả bằng một đoạn dài:

— Có, cái học của nho chia ra làm hai phần là tri và hành. Muốn

tri phải có học; muốn hành phải có tập. Học và tập đi đôi với nhau.

Học lâu, biết rõ được vật lý là tri. Tập lâu, có thể ứng dụng được là hành. Có học thì phải có hành. Tri lấy học làm căn cứ, thì hành lấy tập làm căn cứ.

Nhiều người chê cái học nho không có phương diện thực hành như thế là tầm. Chính cái học nho là cái học thực hành chứ không phải cái học nói mồm hay thuộc lòng.

Ngày xưa vua Nghiêu sở dĩ nhường ngôi cho Thuấn thì vì Thuấn biết đạo tề gia. Thuấn là người con có hiếu để sự lý trong một gia đình mà bố mẹ già già rất ác, con ghẻ cũng ác. Trong cảnh ngộ rất khổ khăn ấy, Thuấn hết sức chịu đựng, ăn ngoài, ngủ ngoài, thuận dưới, hòa. Vua Nghiêu lên thuấn gả cả hai con gái cho, xem Thuấn cư xử thế nào. Hai công chúa làm dâu trong một gia đình có nhiều nghịch cảnh, thế mà Thuấn cư xử mọi việc đều ôn hòa, vui vẻ.

Vua Nghiêu cho là Thuấn biết đạo tu thân nên mới biết cách tề gia. Đã biết tề gia thì chắc hẳn Thuấn sẽ biết cách trị quốc và bình thiên hạ. Vì vậy vua Nghiêu nhường ngôi báu cho Thuấn.

Xem thế đủ rõ cái đạo tu thân là quan trọng bậc nhường nào. Gia đình là cái nền tảng kết của nhân loại, ngũ luân đều ở đây mà sinh ra. Gia đình là khởi tử của xã hội. Xã hội là nhiều gia đình hợp lại.

Cái học của nho gọi là cái học luân lý nhưng luân lý cả gia đình, cả xã hội, có một cái phạm vi càng mở càng rộng ra mãi.

Cái học nho là cái học tri hành,

là cái học vụ thực chứ không phải cái học vụ danh.

Ông xem cái học của nho không có lợi. Ai có tài học giỏi thì được vua vời ra hay là quốc dân cử lên để giúp việc nước. Ai tự rết mình không xứng đáng thì không giám ra, vì ai cũng chuộng sự học. Học rồi là cái học tu thân cử nghĩa là chọn người tài giỏi bằng cách cử người ra giúp việc nước.

Sự tuyển cử chia ra một hạng là mậu tài, một hạng là hiền lêm, một hạng là hiền lương. Đó là cách chia ra để tùy theo từng chức vụ: mậu tài dùng làm tể tướng, cũng như các quan phủ, huyện, hiền lêm dùng làm thứ sử, cũng như các quan đầu tỉnh, hiền lương dùng làm khanh tướng, cũng như các quan thượng ở các bộ. Khi chức nào thiếu người, thì chọn người xứng đáng bổ sung vào chức ấy.

Về sau mới có khoa cử, thì mậu tài đổi là tú tài, hiền lêm là cử nhân và hiền lương là tiếp sĩ.

Cái học học của nho là học để rèn luyện tài đức của mình rồi ra giúp nước. Cụ Nguyễn-Trãi đã lấy mưu trí ra mà giúp tổ quốc mà phò vua, thế là nho gặp thời. Ông Chu Văn An dâng sớ can vua, vua không nghe liền từ quan về.

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

ngay, thế là họ không gặp thời,
song hai người này đều có cái
báo là trước khi cái học
của mình chưa không tham gì
tước lộc. Học khoa cử càng ngày
càng dở số về văn chương rồi suy
yếm đi dần dần Tri với lập
không có nữa, giận, Loay, cô,
nhưng không trả trọng lắm như
trước. Tình thần họ yếu đi
họ thấp xuống những như cần
toàn không còn nữa

Ngày xưa một người làm quan
lấy chữ liêm sí làm đầu. Ra làm
việc què mà không làm được
việc gì cho khỏi lỗi lầm thì cứ
lấy làm xấu hổ và hay bị bằng
lỗi hay lảng nước chèo trôi

Sau cái nhún cật đầu tiên, người ta xô đẩy nhau vì danh lợi.

Những người như cụ Phan
khánh Giản, cụ Nguyễn công Trứ,
Nguyễn Du, cụ Phạm quỳ Thích,
và đặc biệt ông nữa là những
người có chí phách, có tiết tháo
còn có cái đức thần hàn học
giêm tẩn trong huyết quản không
xi lấy danh lấy lợi mà như
chức được vị bất tử rồi giờ
được cái tâm của nhà học là
không danh không lợi, mà quả
quí như phù vân,

Lúc mới bắt đầu suy thì nhọc học suy vì vụ danh rồi hạ thấp xuống vì **vật lợi**. Đến khi hiểu được cả danh cả lợi thì là suy đến triết để. Xem như trong bài hát «**Đồng liên**» của cụ Nguyễn công Trứ mà đã có 2 câu:
«**Hỏi thanh chăng tnu vị gì**
«**Thế mà ai cũng kể vì người**»

thì đủ rõ thời đó người ta đã
vụ lợi đến chừng nào. »

Thống chế Pétain
đã nói :

Quốc dân Pháp, các
người hãy làm bèn lo tnh
thầy của giống nòi bả
nó, cứ chỉ cách làm việc
tài sản kiến và chỉ nầy
m nh.

Nói rồi, đây tự nhiên nổi mặt
cửu vân lại và đơ chày lên
trời như để cùng tôi phản ứng
một cách thành thực?

— Đó là một người do nhọc
loạc xối thân. Nói đến các
bậc tiền bối tức là tôi có lỗi,
nhưng đã nói phải lấy công
tâm và nhìn vào sự thực,

Trước lời phán trần ấy tôi
không biết nói gì hơn Sau vài
giây im lặng tôi liền hỏi tôi và
chợt tôi hiểu tôi

— Bấm cụ cày tình thần năm
thay của nhỏ học đã suy lĩ
theo ý cụ hiện nay có cách gì
dùng sống lại chi tình thần ấy
đủ, nhỏ cập khắp trong hàng
tri thức.

À Cù thư trả đạ:

— Muốn giữ lại tài này của
nhỏ học thì cần phải gây lấy
một cái công luận cho chính
đúng. Vì có công luận, có ảnh
hưởng ra, to rất mạnh đối với
phẩm giá của các học giả.

Nhưng gây một công luận là một việc khó nhất trong lúc này. Ấy cũng vì thế mà làm lúc muốn viết tới lại ngừng vì có điều mình muốn nói mà khó nói.

* Phải có một cơ quan, nên rõ

cải tinh thần của dân tộc
giảng giải rành mạch thể hình
hệ của cái cũ rồi mới phục
nó lại.

— BÀNH CỤ HY' cũng vì thế mà
lạc cu răn chấu với gập tờ báo
của chúng tôi cũng ghi nhận
đây như một lần nữa (trả lại).

— Trong thời gian phải trải qua ở
tại các cấp thị trấn cũng như ở
chức không phải các chức vụ
để cho những người không xem
được sách nhỏ có thể suy xét
những điều thật sự. Các nhà
phản đối dịch vụ sách nhỏ lựa
chọn lấy cái hay rồi gây rắc
rối làm sao cho có một nền
sách nhỏ cho họ được quốc ngữ
là đủ, họ không được học ở
đang này.

Cái linh thần qui ấy vẫn ở
trong tâm chúng ta. Lúc nó
suy cũng như lúc chúng ta ngủ
ngủ, bấy giờ chúng ta đã biết
là nó suy, tức là lúc họ gọi là
đang ngủ. Vậy còn lo gì một
giấc trằn trọc nữa.

* * *

Cuộc hội thảo lâu trời trên
hải t'ông đông l'ở. Cụ Bang kỳ
vốn có ⁰⁷thời ¹⁶que của gia g
đài nên nói một cái rất lưu
loát và ~~tránh~~ ^{tránh} ~~chặt~~ ^{chặt} khiến tôi
về rằng ¹¹trời ¹⁰trời các điều cũ nói.

Cầm bút trông thật ríu rít
phòng nam loan (ư còn thấy)
lĩnh anh hùng nhà xưa lão
thành và quốc trước ấy ở ngay
trước mặt, khiến tôi nghĩ tới
cả một thế lực của thế giới
tàu giấy bản k 1 trước, đã từng
là giường cột của quốc gia
Nam Việt.

TEAM MANHUTIAN

Đã có bán :

Câu chuyện văn học

của Thiệu-Son Giá : 4\$00

Văn-học là tinh-hoa của đất nước, của nhân-loại. Không có văn-học, đời ta sẽ nhạt-nẽo, tầm thường, buồn-tẻ, phảng lảng. Văn-học đem đến cho ta những tư-tưởng cao siêu, những tình-cảm thanh-quý. — Cuốn Câu chuyện văn-học gồm có những câu chuyện văn-chương mà ông Thiệu-Son đã nói trên đài vô tuyến-điện Saigon, đã được e Chính-Phủ Đông-Dương công-nhận là tuyệt-lục, mà cả dân-clúng Đông-Dương cũng đã từng nghe thấy.

CHUYỆN KHOA-HỌC

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan
Tức Hoa Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$50

NHA XUẤT-BAN CÔNG-LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi



TỦ SÁCH
TÂN-VĂN-HÓA

25 - 8 - 1944

sẽ phát hành

HỌC THUYẾT KINH-TẾ

TIỂU ĐÀN

của Nguyễn-bái An

Giá 4\$00

CÁC BẠN NGÀY 10-10-1944
ĐÓN ĐỌC SỐ ĐẦU của

VĂN MỚI

tạp chí, nghị luận

CHIẾN ĐAU CHO SỰ ĐẠC THANG CỦA
TỔ TRAO TÂN-VĂN-HÓA

Hàn thuyên phát hành 71 Tiên tsin Hanoi

do QUANG VẠN THÀNH phát hành

Sách vở

đã có bán

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis soạn Hải Hùng dịch một quyển giáo khoa, đào luyện trí khi trẻ em.

« Tôi thấy rằng quyển sách quý này có một cái sức cảm hóa ta làm... »

Trích lời của ông Hoàng Đại Thụp

(Thanh-nghị số 76 ngày 29 7-1944)

Giá 4\$00 cước 0 80

ĐỜI ĐOÀN THÈ

đang in

Hải Hùng soạn

một thiên « Thời bành luận » rất đáng nên đọc. «... chủ đích là muốn đề xướng một văn-đã mà người Việt-Nam ta cần giải quyết ngay để sinh tồn trong buổi canh trạch này... »

Giá 2\$00 cước 0.80 Trích lời nói đầu của Tác-giả.

Vì nào muốn biết nội-dung sách, hay hỏi giá, hàng, xin vào biết địa chỉ và 0.10 tạp về

QUANG VẠN THÀNH « Nội-Hoa » — mở năm bính dần 1926

Phố Lê Lợi, số 16 Hanoi,

Phố Doumer — 51 Hai-phong

Phố Yên b u Kinh môn Hải-duong

đã có

Hàng hóa

ÁO ĐI MƯA ÍCH LẠN

Bằng lụa ta, sơn ta mười mấy năm kinh-nghiem, nhiều chứng-thư ngợi khen.

Rất nhẹ, rất bền, rất đẹp,

mới chế

VẢI ĐAY SƠN

màu giả da (simili cuir)

dùng để may áo mặc rất làm vui xo áo tới cánh gà xe, và bọc đệm ghế rất đẹp bền.

KHÂM TRUYỀN THẦN

Giống như hạt, đẹp tuyệt trần thật là một công-

nghệ đặc biệt của ta không nước nào sánh-kịp!